

## CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Tên chương trình: **Giáo dục Tiểu học** (Primary Education)  
 Trình độ đào tạo: **Cử nhân (Đại học)** (Bachelor)  
 Ngành đào tạo: **Giáo dục tiểu học** (primary education); Mã số: 7410202  
 Loại hình đào tạo: **Chính quy** (Full-time)  
*(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-ĐHQB ngày tháng năm 2021 của Hiệu trưởng Trường Đại học Quảng Bình)*

### 1. Mục tiêu đào tạo

#### 1.1. Mục tiêu chung

Sinh viên tốt nghiệp có phẩm chất đạo đức và yêu cầu của chuẩn nghề nghiệp giáo viên tiểu học, có năng lực tiếp cận và phát triển chương trình tiểu học mới, có tiềm lực nghiên cứu khoa học, tự bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn và hoàn thiện nhân cách.

#### 1.2. Mục tiêu cụ thể

##### 1.2.1. Kiến thức

+ PO1: Có kiến thức nền tảng lý luận về các nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin, đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam, tư tưởng Hồ Chí Minh; phương pháp nghiên cứu khoa học, pháp luật, sở hữu trí tuệ, khởi nghiệp, an ninh quốc phòng, giáo dục thể chất, đảm bảo sức khoẻ để công tác, phục vụ Tổ quốc.

+ PO2: Có kiến thức khoa học cơ bản bao gồm Toán, Tiếng Việt, Văn học, Tự nhiên và Xã hội, Đạo đức, Mĩ thuật, Âm nhạc, Kỹ thuật, Sinh lí trẻ đáp ứng việc tiếp thu các kiến thức giáo dục chuyên nghiệp; Địa lý - Môi trường.

+ PO3: Có kiến thức về nghiệp vụ sư phạm, bao gồm Tâm lí học, Giáo dục học, Lí luận và phương pháp dạy học bộ môn để dạy tốt các môn học và tổ chức tốt các hoạt động giáo dục học sinh tiểu học

+ PO4: Có kiến thức về tình hình kinh tế văn hoá xã hội, đời sống, phong tục tập quán của địa phương để có thể hoà nhập và góp phần phát triển cộng đồng.

##### 1.2.2. Kỹ năng

+ PO5: Có kỹ năng lập kế hoạch dạy học; thiết kế bài giảng các môn học và các hoạt động giáo dục theo hướng tích cực hóa hoạt động của học sinh tiểu học .

+ PO6: Có kỹ năng tổ chức thực hiện các hoạt động dạy học và các hoạt động

giáo dục phát huy được tính tích cực, chủ động sáng tạo của học sinh, kỹ năng đánh giá học sinh và hướng dẫn học sinh tự học

+ PO7: Có xây dựng kế hoạch và thực hiện có hiệu quả công tác chủ nhiệm lớp, tổ chức tốt các hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp cho học sinh

+ PO8: Có kỹ năng xây dựng, bảo quản và sử dụng có hiệu quả hồ sơ giáo dục và giảng dạy; Sử dụng thành thạo các phương tiện dạy học, có kỹ năng ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học

+ PO9: Có kỹ năng mềm như kỹ năng giao tiếp, hợp tác, xử lý tình huống, tổ chức các hoạt động tập thể, Kỹ năng làm việc nhóm; khả năng tự học, tự nghiên cứu; khả năng thích ứng với yêu cầu nghề nghiệp và làm việc độc lập.

### 1.2.3. Thái độ

+ PO10: Yêu nghề, tận tụy với nghề; sẵn sàng khắc phục khó khăn hoàn thành tốt nhiệm vụ giảng dạy và giáo dục học sinh; có ý thức phấn đấu vươn lên trong nghề nghiệp

+ PO11: Có tinh thần yêu nghề và có đạo đức nghề nghiệp; có ý thức tổ chức kỷ luật cao; có tác phong chuyên nghiệp; có tinh thần cầu tiến tiếp cận với phương pháp giáo dục hiện đại.

## 2. Chuẩn đầu ra

### 2.1. Yêu cầu năng lực

Mã CDR	Nội dung chuẩn đầu ra
<i>2.1.1 Về kiến thức</i>	
PLO1	Vận dụng được kiến thức cơ bản về lý luận chính trị và pháp luật Việt nam trong hoạt động thực tiễn của bản thân và công việc.
PLO2	Áp dụng kiến thức chuyên ngành vào giải quyết các vấn đề trong thực tiễn
PLO3	Vận dụng linh hoạt các kiến thức về nghiệp vụ sư phạm, bao gồm Tâm lí học, Giáo dục học, Lí luận và phương pháp dạy học bộ môn, Quản lý HCNN, Quản lý ngành GD & ĐT để dạy tốt các môn học và tổ chức tốt các hoạt động giáo dục học sinh tiểu học.
PLO4	Vận dụng được các kết quả nghiên cứu nhằm đổi mới phương pháp dạy học, giáo dục ở trường tiểu học.
<i>2.1.2. Về kỹ năng</i>	
PLO5	Lập kế hoạch dạy học; thiết kế bài giảng các môn học và các hoạt động giáo dục theo hướng tích cực hóa hoạt động của học sinh tiểu học .
PLO6	Khai thác được các ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học, nghiên cứu, quản lý và đánh giá học sinh. Có kiến thức và kỹ năng ngoại ngữ đạt trình độ theo quy định của Trường Đại học Quảng Bình.
PLO7	Xây dựng kế hoạch và thực hiện có hiệu quả công tác chủ nhiệm lớp, tổ chức tốt các hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp cho học sinh
PLO8	Xây dựng, bảo quản và sử dụng có hiệu quả hồ sơ giáo dục và giảng dạy, vận dụng linh hoạt các phương pháp, phương tiện dạy học, kỹ thuật dạy học tích



*Ghi chú: H: Mức độ cao; M: Mức độ trung bình; L: mức độ thấp*

**2.5. Mối liên hệ giữa mục tiêu và chuẩn đầu ra của CTĐT**

Mục tiêu (POs)	Chuẩn đầu ra (PLOs)										
	PLO1	PLO 2	PLO 3	PLO 4	PLO 5	PLO 6	PLO 7	PLO 8	PLO 9	PLO 10	PLO 11
PO1	H	L	L	L	L	L	L	L	L	L	M
PO2	L	H	L	L	L	M	L	L	L	L	L
PO3	L	L	H	L	L	L	L	L	L	L	L
PO4	L	L	L	H	L	L	L	L	L	L	L
PO5	L	L	L	L	H	L	L	M	M	L	L
PO6	L	M	L	L	L	H	L	L	L	L	L
PO7	L	L	L	L	L	L	H	L	L	L	L
PO8	L	L	L	L	L	L	L	H	L	L	M
PO9	L	L	L	L	L	L	L	L	H	L	L
PO10	L	L	L	L	L	L	L	L	L	H	L
PO11	L	L	L	L	L	L	L	L	L	L	H

*Ghi chú: H: Mức độ cao; M: Mức độ trung bình; L: mức độ thấp*

**2.6. Mức độ đáp ứng của các CDR CTĐT với Khung trình độ Quốc gia**

TT	Kiến thức					Kỹ năng						Mức tự chủ và trách nhiệm			
	KT 1	KT 2	KT 3	KT 4	KT 5	KN 1	KN 2	KN 3	KN 4	KN 5	KN 6	TC TN1	TC TN2	TC TN3	TC TN4
	PLO1		X												
PLO2	X		X												
PLO3		X													
PLO4	X				X										
PLO5	X			X											
PLO6						X									
PLO7						X			X						
PLO8						X	X	X	X	X					
PLO9						X									
PLO10											X				
PLO11												X	X	X	X

**Ghi chú:** đánh dấu X các ô tương ứng.

<b>Chuẩn đầu ra</b>		
Người tốt nghiệp khóa đào tạo phải có:		
<b>Kiến thức</b>	<b>Kỹ năng</b>	<b>Mức tự chủ và trách nhiệm</b>
<ul style="list-style-type: none"> <li>- Vận dụng được kiến thức cơ bản về lý luận chính trị và pháp luật Việt nam trong hoạt động thực tiễn của bản thân và công việc.</li> <li>- Áp dụng kiến thức chuyên ngành vào giải quyết các vấn đề trong thực tiễn</li> <li>- Vận dụng linh hoạt các kiến thức về nghiệp vụ sư phạm, bao gồm Tâm lí học, Giáo dục học, Lí luận và phương pháp dạy học bộ môn, Quản lý HCNN, Quản lý ngành GD &amp; ĐT để dạy tốt các môn học và tổ chức tốt các hoạt động giáo dục học sinh tiểu học.</li> <li>- Vận dụng được các kết quả nghiên cứu nhằm đổi mới phương pháp dạy học, giáo dục ở trường tiểu học.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Lập kế hoạch dạy học; thiết kế bài giảng các môn học và các hoạt động giáo dục theo hướng tích cực hóa hoạt động của học sinh tiểu học .</li> <li>- Khai thác được các ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học, nghiên cứu, quản lý và đánh giá học sinh. Có kiến thức và kỹ năng ngoại ngữ đạt trình độ theo quy định của Trường Đại học Quảng Bình.</li> <li>- Xây dựng kế hoạch và thực hiện có hiệu quả công tác chủ nhiệm lớp, tổ chức tốt các hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp cho học sinh</li> <li>- Xây dựng, bảo quản và sử dụng có hiệu quả hồ sơ giáo dục và giảng dạy, vận dụng linh hoạt các phương pháp, phương tiện dạy học, kỹ thuật dạy học tích cực ở trường tiểu học.</li> <li>- Làm việc độc lập, làm việc nhóm hiệu quả, giao tiếp, hợp tác, xử lý tình huống, tổ chức các hoạt động tập thể; khả năng tự học, tự nghiên cứu; khả năng thích ứng với yêu cầu nghề nghiệp và làm việc độc lập, tự duy phản biện.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Yêu nghề, tận tụy với nghề; sẵn sàng khắc phục khó khăn hoàn thành tốt nhiệm vụ giảng dạy và giáo dục học sinh; có ý thức phấn đấu vươn lên trong nghề nghiệp</li> <li>- Có ý thức tổ chức kỷ luật cao; có tác phong chuyên nghiệp; có tinh thần cầu tiến tiếp cận với phương pháp giáo dục hiện đại. Tự định hướng, quyết định trong công việc và bảo vệ quan điểm cá nhân trong các vấn đề chuyên môn.</li> </ul>

### 3. Cơ hội việc làm sau khi tốt nghiệp

#### 3.1. Vị trí việc làm sau khi tốt nghiệp

1. Giáo viên giảng dạy ở các trường tiểu học, trường cao đẳng, trung cấp chuyên nghiệp.
2. Viên chức tại các sở, phòng giáo dục và đào tạo
3. Làm việc tại các cơ quan, tổ chức nghiên cứu và tư vấn phát triển giáo dục tiểu học và một số lĩnh vực khác.

#### 3.2. Mối quan hệ giữa chuẩn đầu ra với vị trí việc làm sau khi tốt nghiệp

Vị trí việc làm	Chuẩn đầu ra (PLOs)										
	PLO1	PLO2	PLO3	PLO4	PLO5	PLO6	PLO7	PLO8	PLO9	PLO10	PLO11
1	M	M	M	M	M	M	H	H	M	M	H
2	H	H	H	M	H	H	H	H	H	H	H
3	H	M	H	M	H	M	H	H	H	H	H

*Ghi chú: H: Mức độ cao; M: Mức độ trung bình; L: mức độ thấp*

#### 4. Thời gian đào tạo: 4 năm

**5. Khối lượng kiến thức toàn khoá:** 138 tín chỉ (chưa kể giáo dục quốc phòng và giáo dục thể chất)

Chương trình giảng dạy được chia thành 2 khối kiến thức Giáo dục đại cương và Giáo dục chuyên nghiệp, trong đó có các học phần Bắt buộc và tự chọn với số tín chỉ tương ứng như sau:

TT	Thành phần	Số tín chỉ	
		Bắt buộc	Tự chọn
<b>1</b>	<b>Kiến thức giáo dục đại cương</b>	<b>34</b>	<b>0</b>
<b>2</b>	<b>Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp</b>	<b>77</b>	
2.1	Kiến thức cơ sở ngành	32	0
2.2	Kiến thức ngành	30	27
2.3	Kiến tập sư phạm, thực tập sư phạm	8	0
2.4	Khóa luận tốt nghiệp/học phần thay thế	7	0
	<b>Tổng cộng</b>	<b>111</b>	<b>27</b>

#### 6. Đối tượng và phương thức tuyển sinh:

Đối tượng tuyển sinh, phương thức tuyển sinh thực hiện theo quy định hiện hành của Bộ Giáo dục & Đào tạo và Đề án tuyển sinh hằng năm của Trường Đại học Quảng Bình.

## 7. Quy trình đào tạo, điều kiện tốt nghiệp

Thực hiện theo Quy định của Trường Đại học Quảng Bình.

## 8. Chiến lược và phương pháp dạy học

### 8.1. Các phương pháp dạy học

Các chiến lược và phương pháp dạy học được sử dụng trong chương trình đào tạo cụ thể như sau:

- |                        |                             |
|------------------------|-----------------------------|
| - Giải thích cụ thể    | - Mô hình                   |
| - Thuyết giảng         | - Thực tập, thực tế         |
| - Tham luận            | - Nhóm nghiên cứu giảng dạy |
| - Câu hỏi gợi mở       | - Tranh luận                |
| - Giải quyết vấn đề    | - Thảo luận                 |
| - Học theo tình huống  | - Học nhóm                  |
| - Học theo trải nghiệm | - Bài tập ở nhà             |

*Ghi chú: Tùy theo đặc điểm của từng CTĐT, có thể cắt bỏ hoặc bổ sung các phương pháp dạy học phù hợp.*

### 8.2. Mối liên hệ giữa Chuẩn đầu ra (PLOs) và phương pháp dạy-học

Phương pháp dạy – học	PLOs										
	PL O1	PL O2	PL O3	PL O4	PL O5	PL O6	PL O7	PL O8	PL O9	PL O10	PL O11
Giải thích cụ thể	X	X	X	X	X	X	X	X	X		
Thuyết giảng	X	X	X	X	X	X	X	X	X		X
Tham luận	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	
Câu hỏi gợi mở	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	
Giải quyết vấn đề	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X
Học theo tình huống	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	
Học theo trải nghiệm	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	
Mô hình	X	X	X	X	X	X	X	X	X		
Thực tập, thực tế	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X
Nhóm nghiên cứu	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	
Thảo luận	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	
Học nhóm	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	
Bài tập ở nhà	X	X	X	X	X	X	X	X	X		

*Ghi chú: đánh dấu X các ô tương ứng.*

## 9. Chiến lược và phương pháp đánh giá

### 9.1. Các phương pháp đánh giá

Đánh giá kết quả học tập của sinh viên là quá trình ghi chép, lưu giữ và cung cấp thông tin về sự tiến bộ của người học trong suốt quá trình dạy học. Việc đánh giá đảm bảo nguyên tắc rõ ràng, chính xác, khách quan và phân hóa, thường xuyên liên tục và định kỳ. Yêu cầu và tiêu chí đánh giá cụ thể được Khoa Sư phạm thiết kế và công bố, làm rõ cho người học trước khi học.

Các thông tin về đánh giá được cung cấp và chia sẻ kịp thời cho các bên liên quan gồm người dạy, người học, phụ huynh và nhà quản lý. Từ đó, kịp thời có những điều chỉnh về các hoạt động dạy học, đảm bảo định hướng và đạt được mục tiêu dạy học.

Khoa Sư phạm đã xây dựng và áp dụng nhiều phương pháp đánh giá khác nhau. Tùy thuộc vào chiến lược, phương pháp dạy học và yêu cầu đáp ứng chuẩn đầu ra của từng môn học để lựa chọn các phương pháp đánh giá phù hợp, đảm bảo cung cấp đầy đủ thông tin để đánh giá mức độ tiến bộ của người học cũng như mức độ hiệu quả đạt được của tiến trình dạy học.

Các phương pháp đánh giá được sử dụng trong chương trình đào tạo của khoa Sư phạm cụ thể như sau:

- Đánh giá chuyên cần
- Đánh giá bài tập
- Đánh giá thuyết trình
- Kiểm tra viết/thực hành/trắc nghiệm/vấn đáp/bài tiểu luận/thực hành kết hợp vấn đáp
- Báo cáo
- Đánh giá làm việc nhóm

*Ghi chú: Tùy theo đặc điểm của từng CTĐT, có thể cắt bỏ hoặc bổ sung các phương pháp đánh giá phù hợp.*



## 9.2. Quan hệ giữa phương pháp đánh giá và PLOs

phương pháp đánh giá	PLOs										
	PL O1	PL O2	PL O3	PL O4	PL O5	PL O6	PL O7	PL O8	PL O9	PL O10	PL O11
Đánh giá chuyên cần						X	X	X	X	X	X
Đánh giá bài tập	X	X	X	X	X	X	X	X	X		
Đánh giá thuyết trình	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X
Kiểm tra viết/thực hành/trắc nghiệm/vấn đáp/bài tiểu luận/thực hành kết hợp vấn đáp	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X
Báo cáo/bảo vệ	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X
Đánh giá làm việc nhóm	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X

*Ghi chú: đánh dấu X các ô tương ứng.*

## 9.3. Công cụ, tiêu chí đánh giá

Trên cơ sở các phương pháp đánh giá, khoa Sư phạm đã xây dựng các công cụ, tiêu chí cụ thể để thực hiện việc đánh giá sinh viên theo các Rubrics. Tùy theo yêu cầu, mục tiêu và đặc trưng của từng môn học để lựa chọn phương pháp đánh giá cũng như Rubrics đánh giá thích hợp. Cùng một phương pháp đánh giá có thể áp dụng Rubric đánh giá khác nhau cho các học phần khác nhau.

## 9.4. Thang điểm:

Thực hiện theo Quy định của Trường Đại học Quảng Bình.

## 10. Mô tả chương trình dạy học

### 10.1. Nội dung chương trình

TT	Mã số học phần	Tên học phần (Tiếng Anh)	Nội dung cần đạt được của học phần	Khối lượng kiến thức					Điều kiện tiên quyết
				Tổng số (TC)	Lý thuyết (tiết)	TH hoặc BT (tiết)	Tự học (tiết)	Tổng số (tiết)	
<b>1. Kiến thức giáo dục đại cương</b>				<b>34</b>					
1	MLTHML.124	Triết học Mác – Lênin (Marxist - Leninist philosophy)	Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản nhất về triết học Mác – Lênin, trọng tâm là triết học Mác – Lênin và vai trò của triết học Mác – Lênin trong đời sống xã hội, chủ nghĩa duy vật biện chứng, chủ nghĩa duy vật lịch sử. Từ đó giúp sinh viên hình thành thế giới quan, phương pháp luận khoa học, nhân sinh quan cách mạng, xây dựng niềm tin và lý tưởng cách mạng, rèn luyện bản lĩnh chính trị vững vàng nhằm đáp ứng nhu cầu của con người Việt Nam trong sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc và xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội.	3	45	0	90	45	Không
2	MLKTCT.139	Kinh tế chính trị Mác- Lênin (Marxist	Học phần trang bị cho sinh viên những tri thức cơ bản, cốt lõi của kinh tế chính trị Mác-Lênin trong bối cảnh kinh tế của đất nước và kinh tế	2	30	0	60	30	Triết học Mác-Lênin

		political economy)	ngày nay. Đảm bảo tính cơ bản hệ thống, khoa học, cập nhật tri thức mới, gắn với thực tiễn, tính sáng tạo, kỹ năng, tư duy, phẩm chất người học. Từ đó giúp sinh viên hình thành kỹ năng phân tích, đánh giá và nhận diện bản chất của các quan hệ lợi ích kinh tế trong phát triển kinh tế - xã hội của đất nước và xây dựng lập trường, ý thức hệ tư tưởng Mác - Lênin.						
3	MLCNXH.126	Chủ nghĩa xã hội khoa học (Science socialism)	Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản, cốt lõi nhất, mở rộng và chuyên sâu về chủ nghĩa xã hội khoa học, một trong ba bộ phận cấu thành của chủ nghĩa Mác - Lênin.	2	30	0	60	30	Triết học Mác – Lênin, Kinh tế chính trị Mác - Lênin.
4	MLTHCM.127	Tư tưởng Hồ Chí Minh (Ho Chi Minh Thought)	Học phần trang bị cho sinh viên hiểu được những kiến thức cơ bản về khái niệm, nguồn gốc, quá trình hình thành và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh; Những nội dung cơ bản tư tưởng Hồ Chí Minh; Sự vận dụng của Đảng Cộng sản Việt Nam trong cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân và cách mạng xã hội chủ nghĩa.	2	30	0	60	30	Triết học Mác-Lênin; Kinh tế chính trị Mác-Lênin; Chủ nghĩa xã hội

										khoa học
5	LLCT.004	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam (History of the Communist Party of Vietnam)	Cung cấp những tri thức có tính chất hệ thống, cơ bản về sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam (1920-1930), sự lãnh đạo của Đảng đối với cách mạng Việt Nam trong thời kỳ đấu tranh giành chính quyền (1930-1945), trong hai cuộc chiến tranh chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ xâm lược (1945-1975), trong sự nghiệp xây dựng, bảo vệ tổ quốc thời kỳ cả nước quá độ lên chủ nghĩa xã hội, tiến hành công cuộc đổi mới (1975-2021).	2	30	0	60	30		Triết học Mác - Lênin; Kinh tế chính trị Mác-Lênin; Chủ nghĩa xã hội khoa học
6	MLPLDC.044	Pháp luật đại cương (General law)	Giới thiệu những kiến thức cơ bản về nhà nước và pháp luật; quy phạm pháp luật và các loại văn bản quy phạm pháp luật ở Việt Nam hiện nay; cơ chế điều chỉnh của pháp luật; hệ thống pháp luật Việt Nam.	2	30	0	60	30		Không
7	TITINDC.002	Tin học (Information Technology)	Học phần gồm có các nội dung chính sau: - Đại cương về Tin học, Hệ điều hành. - Các kỹ thuật và kỹ năng soạn thảo văn bản - Các kỹ thuật và kỹ năng sử dụng bảng tính điện tử	2	15	30	90	30		Không

8	TMTLGD.003	Tâm lý học đại cương (General Psychology)	Giới thiệu khái quát về khoa học tâm lý; các khái niệm: tâm lý, ý thức, hoạt động, giao tiếp, nhân cách; các hoạt động tâm lý cơ bản.	2	30	0	60	30	Triết học Mác-Lênin (Không)
9	TMVDGD.021	Giáo dục học (Pedagogis)	Giới thiệu những vấn đề chung của giáo dục học: Đối tượng, nhiệm vụ, phương pháp nghiên cứu, các khái niệm, phạm trù cơ bản; giáo dục và sự phát triển nhân cách; mục đích, mục tiêu và nhiệm vụ giáo dục; hệ thống giáo dục quốc dân và người giáo viên Tiểu học.	2	30	0	60	30	Tâm lý học đại cương
10	CTLY.004	Tâm lý học lứa tuổi và tâm lý học sư phạm (Age psychology and pedagogical psychology)	Học phần giới thiệu những kiến thức chung về sự phát triển tâm lý trẻ em, những đặc điểm tâm lý và các hoạt động cơ bản của học sinh tiểu học; một số nội dung cơ bản về tâm lý học dạy học và tâm lý học giáo dục tiểu học; nhân cách người giáo viên tiểu học.	2	30	0	60	30	Tâm lý học đại cương
11	TMGTSP.105	Giao tiếp sư phạm (Communication Pedagogy)	Học phần cung cấp những vấn đề chung về giao tiếp và giao tiếp sư phạm; nội dung, hình thức, nguyên tắc, phong cách và các kỹ năng cơ bản trong quá trình giao tiếp sư phạm ở Tiểu học.	2	27	3	60	30	Tâm lý học đại cương
12	TMQLHC.001	Quản lý hành chính Nhà nước và quản lý ngành GD và ĐT	Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản, hệ thống về lý luận và thực tiễn quản lý hành chính nhà nước nói chung, quản lý giáo dục đào tạo và quản lý trường tiểu học nói	2	30	0	60	30	Sinh viên đi kiến tập sư phạm tại các

		(State administrative management and management of the education and training sector)	riêng; những kiến thức cơ bản về công vụ, công chức, viên chức sự nghiệp giáo dục, giáo viên tiểu học; đường lối, quan điểm của Đảng, Nhà nước Việt Nam về giáo dục và đào tạo; Luật Giáo dục; Điều lệ và một số quy chế do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành đối với bậc tiểu học, trên cơ sở đó hướng dẫn sinh viên vận dụng kiến thức học phần vào việc tham gia quản lý nhà nước, quản lý nhà trường tiểu học và thực hiện chức trách, nhiệm vụ của người giáo viên tiểu học.							trường tiểu học
13	TMSLTE.069	Sinh lý học trẻ em (Child Physiology)	Nội dung học phần: Các giai đoạn tăng trưởng và phát triển của cơ thể trẻ em. cấu tạo, đặc điểm sinh lý lứa tuổi và vệ sinh bảo vệ các hệ cơ quan: hệ thần kinh và hoạt động thần kinh cấp cao; hoạt động của các cơ quan phân tích; hệ nội tiết và hệ sinh dục; hệ hô hấp; hệ tuần hoàn; hệ tiêu hóa và trao đổi chất của trẻ em lứa tuổi tiểu học.	2	30	0	60	30	Không	
14	TQGDTC.001 TQGDTC.002 TQGDTC.003 TQGDTC.004	Giáo dục thể chất 1  Giáo dục thể chất 2	Nội dung thực hiện theo Thông tư số 25/TT-BGDĐT ngày 14/10/2015 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc quy định về chương trình môn học Giáo dục thể chất thuộc các chương trình đào tạo trình độ đại học và Quyết định số 1609/QĐ-ĐHQB ngày 19/9/2019 của Hiệu	4	16	104	240	120	Không Không Không GDTC 3	

		Giáo dục thể chất 3 Giáo dục thể chất 4	trường trường Đại học Quảng Bình về việc ban hành Quy định về dạy học và đánh giá kết quả môn Giáo dục thể chất tại Trường Đại học Quảng Bình						
15	TQGDQP.001	Giáo dục quốc phòng 1 (Defense Education 1)	Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về: Đối tượng, nhiệm vụ, phương pháp nghiên cứu môn học GDQP-AN; Quan điểm cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh về chiến tranh, quân đội và bảo vệ Tổ quốc; Xây dựng nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân; Chiến tranh nhân dân; Xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân; Kết hợp phát triển kinh tế, xã hội với tăng cường quốc phòng, an ninh và đối ngoại; Những vấn đề cơ bản về lịch sử nghệ thuật quân sự Việt Nam; Xây dựng và bảo vệ chủ quyền biển, đảo, biên giới quốc gia trong tình hình mới; Xây dựng lực lượng dân quân tự vệ, lực lượng dự bị động viên; Xây dựng phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc; Những vấn đề cơ bản về bảo vệ an ninh quốc gia và bảo đảm trật tự an toàn xã hội. Qua đó giúp sinh viên hiểu và ý thức được những nội dung cơ bản về Đường lối QP&AN của Đảng Cộng sản Việt Nam.	3	45	0	90	45	Đã học Lịch sử ĐCSVN

16	TQGDQP.002	Giáo dục quốc phòng 2 (Defense Education 2)	Trang bị cho sinh viên những nội dung cơ bản về: Phòng, chống chiến lược “diễn biến hòa bình”, bạo loạn lật đổ; Một số nội dung cơ bản về dân tộc, tôn giáo; Phòng, chống vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường; Phòng, chống vi phạm pháp luật về bảo đảm trật tự an toàn giao thông; Phòng, chống một số loại tội phạm xâm hại danh dự, nhân phẩm của người khác; An toàn thông tin và phòng, chống vi phạm pháp luật trên không gian mạng; An ninh phi truyền thống và các mối đe dọa an ninh phi truyền thống ở Việt Nam. Qua đó giúp sinh viên hiểu được những nội dung cơ bản về Công tác QP&AN.	2	30	0	60	30	GDQP - AN1
17	TQGDQP.003	Giáo dục quốc phòng 3 (Defense Education 3)	Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về: Chế độ sinh hoạt, học tập, công tác trong ngày, trong tuần; Các chế độ nề nếp chính quy, bố trí trật tự nội vụ trong doanh trại; Hiểu biết chung về các quân, binh chủng trong quân đội; Điều lệnh đội ngũ từng người có súng; Điều lệnh đội ngũ đơn vị; Hiểu biết chung về bản đồ địa hình quân sự; Phòng tránh địch tiến công hỏa lực bằng vũ khí công nghệ cao; Ba môn quân sự phối hợp. Qua đó giúp sinh viên hiểu và vận dụng được các nội dung cơ bản về Quân sự chung.	2	14	16	60	30	GDQP- AN 1 và 2



18	TQGDQP.004	Giáo dục quốc phòng 4 (Defense Education 4)	Trang bị cho sinh viên những nội dung cơ bản về: Kỹ thuật bắn súng tiêu liên AK; Tính năng, cấu tạo và cách sử dụng một số loại lựu đạn thường dùng; Từng người trong chiến đấu tiến công; Từng người trong chiến đấu phòng ngự; Từng người làm nhiệm vụ canh gác (cảnh giới). Qua đó giúp sinh viên thành thạo một số kỹ năng cơ bản trong Kỹ thuật chiến đấu bộ binh và chiến thuật.	2	4	56	120	60	GDQP-AN 1, 2, 3
19	NNTANH .001	Tiếng Anh 1 (English 1)	Kết thúc học phần Tiếng Anh 1, sinh viên có khả năng áp dụng được kiến thức cơ bản về ngôn ngữ như từ vựng, ngữ pháp, ngữ âm tiếng Anh vào giao tiếp ở trình độ tiền B1 (theo Khung tham chiếu Châu Âu) với các chủ đề thường gặp trong đời sống hằng ngày của sinh viên như: giới thiệu thông tin về cá nhân, học tập, các loại sách, nghiên cứu, thói quen hằng ngày, nghề nghiệp và các kỳ nghỉ đặc biệt.	2	30	0	60	30	Không
20	NNTANH .002	Tiếng Anh 2 (English 2)	Kết thúc học phần Tiếng Anh 2, sinh viên có khả năng áp dụng được kiến thức cơ bản về tiếng Anh vào giao tiếp ở trình độ tiền B1 với các chủ đề, chủ điểm như: gia đình và những người thân yêu, đi du lịch, thành thị và nông thôn, mua sắm.	2	30	0	60	30	Học Xong học phần tiếng Anh 1

21	NNTANH .003	Tiếng Anh 3 (English 3)	Kết thúc học phần Tiếng Anh, sinh viên có khả năng áp dụng được các kiến thức cơ bản vào giao tiếp tiếng Anh ở trình độ B1 với các chủ đề sau: ăn uống, nơi ở và chỗ sinh hoạt riêng tư, phong cách sống, các hoạt động giải trí và phương tiện giao tiếp, thú cưng và thể giới tự nhiên. Sinh viên có khả năng tự học, tự thực hành để đạt được năng lực giao tiếp tiếng Anh ở trình độ B1.	3	45	0	90	45	Học Xong học phần tiếng Anh 2
<b>2. Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp</b>									
<b>2.1. Kiến thức cơ sở ngành</b>				<b>32</b>					
22	TMHSKT.031	Giáo dục hoà nhập cho học sinh khuyết tật ở tiểu học (Inclusive education for students with disabilities in	Giới thiệu các kiến thức cơ bản về giáo dục hoà nhập, một số kỹ năng cần thiết để giúp sinh viên có kỹ năng tổ chức các hoạt động hoà nhập. Các lực lượng hỗ trợ cho giáo dục hòa nhập ở trường tiểu học. Đánh giá kết quả học tập của học sinh khuyết tật học hòa nhập.	2	30	0	60	30	Tâm lý học lứa tuổi và sự phạm; Lý luận giáo dục học Tiểu học và LL

		primary school)								DHTH.
23	TMGDKN.117	Giáo dục kỹ năng sống trong dạy học ở tiểu học (Life skills education in primary school teaching)	Bao gồm các kiến thức về kỹ năng sống: khái niệm về kỹ năng sống, một số kỹ năng sống cơ bản, giáo dục sống khỏe mạnh và tích hợp giáo dục kỹ năng sống trong dạy học ở tiểu học.	2	30	0	60	30		Sinh lý học trẻ em, Cơ sở Tự nhiên, Cơ sở Xã hội 1.
24	TICNTT.127	Ứng dụng Công nghệ thông tin trong dạy học (Applied IT for Training)	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Một số kiến thức cơ bản về công nghệ thông tin và nền công nghiệp 4.0</li> <li>- Các phương tiện kỹ thuật trong dạy học thông dụng.</li> <li>- Giới thiệu về mạng máy tính, internet.</li> <li>- Cách tìm kiếm thông tin và sử dụng một số ứng dụng thông dụng trên internet.</li> <li>- Phần mềm trình diễn thông tin</li> </ul>	3	30	15	90	135		Tin học
25	TMNCKH.127	Phương pháp nghiên cứu khoa học - khởi nghiệp và sở hữu trí tuệ (Scientific research methods	Học phần trang bị cho người học những kiến thức và kỹ năng cơ bản về: phương pháp NCKH nói chung và phương pháp NCKH giáo dục nói riêng; khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo và sở hữu trí tuệ; từ đó vận dụng vào thực tiễn nghiên cứu khoa học, thúc đẩy tinh thần khởi nghiệp, tôn	3	45	0	90	135		Không

		- entrepreneurship - intellectual property)	trọng và bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ.						
26	VAT1VI.144	Tiếng Việt 1 (Vietnamese 1)	Học phần bao gồm các nội dung sau: Đại cương về Tiếng Việt; Ngữ âm Tiếng Việt; Từ vựng - Ngữ nghĩa Tiếng Việt (đặc điểm của từ tiếng việt, các lớp từ Tiếng Việt xét trên bình diện cấu tạo, ngữ nghĩa, nguồn gốc).	3	45	0	90	45	Không
27	VAT1VI.145	Tiếng Việt 2 (Vietnamese 1)	Học phần bao gồm các kiến thức cơ bản về ngữ pháp tiếng Việt (khái niệm chung, từ loại, cụm từ, câu tiếng Việt); Ngữ pháp văn bản (văn bản và liên kết đoạn); Phong cách học Tiếng Việt (các phong cách ngôn ngữ chức năng và biện pháp tu từ tiếng Việt).	3	45	0	90	45	<i>Tiếng Việt 1</i>
28	VA VA V1.058	Văn học 1 (Literature 1)	Hệ thống hóa một số kiến thức về Văn học dân gian, Văn học viết và Lý luận văn học như: đối tượng, nội dung văn học, nhân vật văn học, hình tượng nghệ thuật, ngôn ngữ văn học, phương pháp phân tích tác phẩm văn học.	3	45	0	90	45	Không
29	TOTAN.048	Toán học 1 (Math 1)	Kiến thức cơ bản về cơ sở lý thuyết tập hợp (tập hợp và các phép toán trên tập hợp, quan hệ, ánh xạ); cơ sở logic toán (mệnh đề và các phép logic, công thức và quy tắc suy luận, suy luận	<u>2</u>	20	10	30	30	Không

			và chứng minh trong dạy học toán ở Tiểu học); suy luận và các phép tiên chứng minh trong dạy học toán ở tiểu học.						
	TMKNTV.135	Kỹ năng tham vấn tâm lý cho học sinh ở trường tiểu học (Psychological counseling skills for elementary primary student)	Học phần giúp người học lĩnh hội những vấn đề cơ bản về tham vấn tâm lý ở trường tiểu học: khái niệm tham vấn; các yêu cầu về phẩm chất, năng lực, nguyên tắc, kỹ năng, thái độ, đạo đức nghề nghiệp của nhà tham vấn tâm lý; Mục tiêu, nội dung, kỹ năng, phương pháp, hình thức tham vấn tâm lý học đường ở trường tiểu học. Trên cơ sở đó, người học xác định ưu, nhược điểm của người giáo viên tiểu học trong việc đáp ứng sự cần thiết của công tác tham vấn ở nhà trường; thiết kế và tổ chức xử lý hiệu quả một số kỹ năng, thái độ và tình huống tham vấn tâm lý ở trường tiểu học.	2	27	3	60	30	Tâm lý học đại cương, Giáo dục học Tâm lý học LT và TLHSP
30	CSKHTN và PPDH1. 02	CSKHTN và PPDH1 (Scientific basis and natural teaching 1)	Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về một số loại vật chất thông dụng, sự biến đổi của vật chất, dạng tồn tại của vật chất; các kiến thức về nhiệt, ánh sáng, âm thanh và năng lượng nhằm đáp ứng việc dạy học những phần kiến thức tương ứng liên quan trong chương trình môn Khoa học ở cấp Tiểu học theo chương trình giáo dục năm 2018.	3	40	5	30	45	Không
31	TMGDDII	Lý luận giáo dục tiểu học và lý	Giới thiệu những kiến thức cơ bản về: - Lý luận dạy học tiểu học: khái niệm, bản	2	30	0	60	30	Những vấn đề

		luyện dạy học tiểu học (Theory of primary education and theory of primary school teaching)	chất, nhiệm vụ, động lực, nguyên tắc, nội dung, phương pháp, phương tiện, hình thức tổ chức dạy học và các đặc điểm của hoạt động dạy học ở trường Tiểu học. - Lí luận giáo dục tiểu học: Khái niệm, bản chất, nội dung, nguyên tắc, phương pháp và hình thức tổ chức hoạt động giáo dục ở trường Tiểu học.							chung của giáo dục học
32	ANAMNH.08 1	Âm nhạc (Music)	Nhạc lý cơ bản: Ký hiệu trường độ, cao độ trong âm nhạc, các khái niệm cung, quãng, điệu thức. Học Hát: Hơi thở và cách vận dụng hơi thở trong ca hát, khẩu hình và phương pháp vận dụng khẩu hình trong ca hát; luyện thanh và lên lớp bài hát tiểu học và nâng cao. Xướng âm các bài hát trong chương trình từ không dấu hóa đến một dấu hóa.	2	15	30	60	30	Không	
33	MTMTTH.002	Mỹ thuật (Art)	Truyền thụ nội dung kiến thức về các loại hình mỹ thuật, thể loại, ngôn ngữ, chất liệu; vẽ theo mẫu, vẽ trang trí; một số hình thức bố cục tranh và thể loại của điêu khắc, nặn và tạo dáng; hướng dẫn phương pháp thực hành thông qua các bài tập mỹ thuật giúp sinh viên thực hiện bài tập có tính sáng tạo.	2	15	30	60	30	Không	

<b>2.2. Kiến thức ngành</b>				<b>30</b>					
34	VA VAN 2.048	Văn học 2 (Literature 2)	Học phần thuộc khối kiến thức chuyên ngành, hướng đến việc trang bị cho người học những kiến thức khái quát về văn học thiếu nhi Việt Nam và văn học thiếu nhi nước ngoài, các tác giả và tác phẩm văn học thiếu nhi Việt Nam và nước ngoài trong chương trình tiếng Việt Tiểu học. Từ đó vận dụng vào việc cảm thụ, phân tích các tác giả, tác phẩm cụ thể.	2	30	0	60	30	Văn học 1
35	TOTOAN.049	Toán học 2 (Marth 2)	Bao gồm: Một số kiến thức về cấu trúc Đại số, xây dựng tập hợp số tự nhiên, xây dựng tập hợp số hữu tỉ theo sơ đồ $NQ^+Q$ , xây dựng tập hợp số thực dựa trên khái niệm số thập phân và vận dụng kiến thức các tập hợp số vào dạy học các tập hợp số ở tiểu học. Phép chia hết và phép chia số dư, đồng dư thức; liên hệ những kiến thức có liên quan đến chương trình tiểu học.	2	25	20	30	30	Toán học 1
36	TMKQKQ.029	Kiểm tra, đánh giá kết quả giáo dục ở tiểu học (Examination and assessment of educational outcomes in primary schools)	Bao gồm các kiến thức cơ bản về kiểm tra, đánh giá kết quả giáo dục ở tiểu học: khái niệm, chức năng, nguyên tắc, nội dung, các hình thức, phương pháp, kỹ thuật kiểm tra, đánh giá kết quả giáo dục ở Tiểu học.	2	21	9	60	30	Lý luận giáo dục học Tiểu học và LL DH TH.

37	VAPDTV.049	Phương pháp dạy học Tiếng Việt ở tiểu học 1 (Methods of teaching Vietnamese in primary school 1)	Nội dung học phần: Bao gồm những vấn đề chung về đối tượng, nhiệm vụ môn phương pháp dạy học Tiếng Việt; Các cơ sở khoa học, nguyên tắc, phương pháp dạy học Tiếng Việt ở Tiểu học và vị trí, ý nghĩa của môn Tiếng Việt trong mối quan hệ với các môn học khác; Kiến thức, kỹ năng tổ chức quá trình dạy học các phân môn Học vần, Tập viết.	2	15	30	45	30	<i>Tiếng Việt 2, Văn học 1</i>
38	VAPDTV.156	Phương pháp dạy học Tiếng Việt ở tiểu học 2 (Methods of teaching Vietnamese in primary school 2)	Nội dung học phần: Bao gồm những kiến thức về mục tiêu, nguyên tắc, phương pháp, nội dung, kỹ năng tổ chức quá trình dạy học các phân môn Tập đọc, Luyện từ và câu, Chính tả, Tập đọc, Kể chuyện, Tập làm văn.	3	30	30	60	45	<i>Phương pháp dạy học Tiếng Việt ở tiểu học 1</i>
39	TOPDTH.Q52	Phương pháp dạy học Toán ở tiểu học 1 (Methods of teaching Mathematics in primary	Giới thiệu những vấn đề chung về phương pháp dạy học Toán ở tiểu học, bao gồm: Những đặc điểm tâm lý của trẻ em tiểu học khi học toán; các phương pháp và hình thức dạy học toán ở tiểu học; phương pháp kiểm tra đánh giá; sử dụng thiết bị dạy học toán ở tiểu học.	2	24	6	30	30	Toán học 1, Toán học 2



		school 1)							
40	TOTOAN.049	Phương pháp dạy học Toán ở tiểu học 2 (Methods of teaching Mathematics in primary school 1)	Bao gồm: Một số kiến thức về cấu trúc Đại số, xây dựng tập hợp số tự nhiên, xây dựng tập hợp số hữu tỉ theo sơ đồ $NQ^+Q$ , xây dựng tập hợp số thực dựa trên khái niệm số thập phân và vận dụng kiến thức các tập hợp số vào dạy học các tập hợp số ở tiểu học. Phép chia hết và phép chia số dư, đồng dư thức; liên hệ những kiến thức có liên quan đến chương trình tiểu học.	3	36	9	30	45	Phương pháp dạy học Toán ở tiểu học 1
41	TMPDTN.03	CSKHTN và PPDH2 (Scientific basis and natural teaching 2)	Tiếp cận và xác định đổi mới phương pháp dạy học theo định hướng đổi mới giáo dục và chương trình SGK ở bậc phổ thông. Kịp thời đáp ứng những yêu cầu về chương trình và sách giáo khoa mới. Hiểu biết về xã hội và môi trường, có kỹ năng giao tiếp, sáng tạo để thực hiện tốt nhiệm vụ giáo dục	2	21	9	60	30	Không
42	TMPDTN.139	CSKHXXH và PPDH1 (Social science bases and teaching methods 1)	Hiểu một cách tổng quát các kiến thức cơ bản về Địa lý và nắm bắt những vấn đề chung về phương pháp dạy học địa lý Tiểu học. Hiểu và vận dụng các hình thức tổ chức, phương pháp dạy học, các phương tiện thiết bị và kiểm tra đánh giá trong dạy học địa lý ở Tiểu học	2	20	20	60	30	Tâm lý học lứa tuổi và sự phạm

43	MLDDTH.045	Đạo đức và phương pháp giáo dục đạo đức ở tiểu học (Ethics and methods of moral education in elementary school)	Học phần Đạo đức và phương pháp giáo dục đạo đức ở Tiểu học bao gồm: Một số vấn đề cơ bản về đạo đức; Đạo đức học là một khoa học; Vị trí, mục tiêu, đặc điểm môn Đạo đức; Nội dung môn Đạo đức; Phương pháp, phương tiện giáo dục đạo đức và dạy học môn Đạo đức; Hình thức tổ chức dạy học môn Đạo đức; Kiểm tra và đánh giá kết quả học tập môn Đạo đức.	2	22	08	60	30	Không
44	ANPDTH.004	Phương pháp dạy học Âm nhạc ở tiểu học (Methods of teaching music in elementary school)	Nội dung học phần: - Những vấn đề chung về giáo dục Âm nhạc ở trường tiểu học; - Phương pháp dạy học Hát, nghe nhạc, Tập đọc nhạc, Nhạc cụ, Thường thức âm nhạc. -Chương trình, SGK âm nhạc Tiểu học. Thiết kế giáo án và tập giảng.	2	15	30	60	30	Âm nhạc
45	TQPDTH.009	Phương pháp dạy học môn Giáo dục thể chất	Trang bị cho sinh viên về chương trình giáo dục thể chất trong nhà trường, phương pháp tập luyện nâng cao sức khoẻ và phát triển các tố chất vận động, khái niệm về TĐTT và các khái niệm	2	22	08	60	30	GDTC

		ở tiểu học (Methods of teaching physical education in elementary school)	lân cận có liên quan, cách kiểm tra theo dõi sức khoẻ học sinh trong luyện tập TDTT. Cung cấp các nguyên tắc, phương pháp giảng dạy, cách soạn giáo án, cho điểm, cách dạy một tiết thể dục, thực tập soạn giáo án và dạy thử.							
46	RLNVSP.004	Rèn luyện nghiệp vụ sư phạm thường xuyên 1 (Regular pedagogical training 1)	Cung cấp cho sinh viên kiến thức hiểu biết về tầm quan trọng cũng như quy trình rèn luyện NVSP thông qua các kỹ năng cơ bản: Đọc, viết, nói/ thuyết trình, nghe, kể,..., từ đó vận dụng vào quá trình học tập, giảng dạy các phân môn ở bậc Tiểu học.	1	2	26	30	58	Các học phần cơ sở của ngành, Phương pháp dạy học các môn học ở Tiểu học.	
47	RLNVSP.005	Rèn luyện nghiệp vụ sư phạm thường xuyên 2 (Regular pedagogical training 2)	Học phần cung cấp kiến thức cơ bản về bậc Giáo dục Tiểu trong hệ thống giáo dục quốc dân; Đặc điểm trường tiểu học và mối quan hệ của trường tiểu học với hệ thống quản lý và cộng đồng; Tiếp cận thực hành hoạt động hoạt động giảng dạy.	1	3	24	30	15	Rèn luyện nghiệp vụ sư phạm thường xuyên 1	

48	RLNVSP.006	Rèn luyện nghiệp vụ sư phạm thường xuyên 3 (Regular pedagogical training 3)	Học phần cung cấp những kiến thức cơ bản về chương trình, mục tiêu, kế hoạch dạy học bậc Tiểu học; giới thiệu hệ thống phương tiện, thiết bị dạy học; đồ dùng dạy học tự làm, các kỹ năng hoạt động dạy và học ở Tiểu học. Soạn giáo án, thực hành tập giảng.	1	3	24	30	15	Rèn luyện nghiệp vụ sư phạm thường xuyên 2
<b>2.3. Kiến thức chuyên ngành (học phần tự chọn)</b>				<b>27/</b>					
				<b>39</b>					
49	VABDTV.171	Bồi dưỡng học sinh giỏi Tiếng Việt ở tiểu học (Fostering excellent Vietnamese students in elementary school)	Nội dung học phần:Giới thiệu những vấn đề cơ bản về bồi dưỡng học sinh giỏi trong phân môn Tiếng việt ở tiểu học như vị trí, ý nghĩa, các phương pháp phát hiện học sinh giỏi, cách thức tổ chức thực hiện bồi dưỡng học sinh giỏi (bồi dưỡng cảm thụ, tư duy, vốn sống, hứng thú...qua dạy các phân môn tiếng việt ở tiểu học)	2	30	0	60	30	PPDH TV ở TH
50	TOBDTO.137	Bồi dưỡng học sinh giỏi Toán ở tiểu học (Fostering students who are	Giới thiệu một số khái niệm chung về học sinh giỏi và bồi dưỡng học sinh giỏi môn Toán ở tiểu học; các dạng toán bồi dưỡng học sinh giỏi ở tiểu học; tổ chức bồi dưỡng học sinh môn Toán ở tiểu học.	2	24	6	30	30	<i>Phương pháp dạy học Toán ở tiểu học 1,2</i>

		students good at Mathematics elementary school)							
51	TMDIILG.122	Dạy học lớp ghép ở tiểu học (Teaching compound classes in elementary school)	Giới thiệu những nội dung cơ bản về lớp ghép như: khái niệm, đặc điểm, yêu cầu, môi trường dạy học, cách lập kế hoạch, các hình thức tổ chức dạy học. Trang bị cho sinh viên những kiến thức và kỹ năng cần thiết để dạy lớp ghép.	2	21	9	60	30	Phương pháp dạy học Tiếng Việt ở tiểu học 1,2
52	TMKTTH.008	Kỹ thuật tạo hình bằng giấy bìa (Techniques of shaping with paperboard)	Học phân bổ sung kiến thức của môn Thủ công - Kỹ thuật trong chương trình, sách giáo khoa tiểu học (mục đích, ý nghĩa, đặc điểm của việc hướng dẫn học sinh tiểu học kỹ thuật tạo hình bằng giấy bìa, thực hiện được các sản phẩm tạo hình theo đúng kỹ thuật, đúng quy trình.)	2	10	40	60	30	Thủ công - Kỹ thuật và PPDH
53	TMTNXH.148	CSKHXXH và PPDH2 (Social science bases and teaching methods 2)	Trang bị cho sinh viên hiểu biết một cách tổng quát các kiến thức cơ bản về quá trình phát triển của lịch sử Việt Nam, lịch sử địa phương Quảng Bình từ thời dựng nước đến nay và một số phương pháp dạy học lịch sử ở Tiểu học. Từ đó, giúp sinh viên hiểu sâu hơn các sự kiện lịch sử xã hội và giảng dạy tốt các vấn đề về lịch sử	2	24	06	60	30	Không

			trong chương trình Tiểu học.						
54	TMDHTH.122	Dạy học tích hợp ở tiểu học (Integrated teaching in primary school)	Nội dung học phần giới thiệu những kiến thức cơ bản về dạy học tích hợp ở tiểu học, bao gồm: những khái niệm liên quan đến dạy học tích hợp, các hình thức tích hợp trong dạy học ở tiểu học; cách thiết kế bài học tích hợp, phương pháp và cách tổ chức dạy học tích hợp.	2	25	10	60	30	PPDHTV ở TH
55	TQTCDO.101	Tổ chức hoạt động Đội thiếu niên Tiền phong Hồ Chí Minh và sao Nhi đồng (Organizing activities for Ho Chi Minh Pioneer Youth Team and Children's start)	Nội dung học phần: Giới thiệu một số kiến thức cơ bản về công tác Đội TNTPHCM. Thực hành tổ chức các hoạt động Đội Thiếu niên tiền phong Hồ Chí Minh (cắm trại, trò chơi, các bài múa, hát của thiếu nhi, kể chuyện); thực hành tổ chức các sinh hoạt Sao nhi đồng.	2	9	42	60	30	Không
56	TONMXS.003	Nhập môn lý thuyết xác suất thống kê (Introduction to	Bao gồm các khái niệm cơ bản về xác suất. Biến ngẫu nhiên và hàm phân phối. Kiến thức đại cương về thống kê toán học. Một số phương pháp thống kê trong nghiên cứu khoa	2	24	6	30	30	Không

		the theory of probability and statistics)	học giáo dục.						
57	DGDMT.017	Giáo dục môi trường cho học sinh tiểu học (Environmental education for primary student)	Kiến thức cơ bản về môi trường, sự tác động của con người đến môi trường và phát triển bền vững; Giáo dục môi trường cho học sinh tiểu học; Thực hành giáo dục môi trường (thông qua hoạt động chính khóa và ngoại khóa).	2	20	10	60	30	Giáo dục học tiểu học
58	VATVTH.054	Tiếng Việt thực hành (Vietnamese Practice)	Nội dung học phần: Cung cấp một số kiến thức và rèn luyện các kỹ năng dùng từ, viết câu, đoạn văn, văn bản.	2	30	0	60	30	Không
59	TMCN.144	Công nghệ và phương pháp dạy học công nghệ ở TH (Technology and methods of teaching technology in elementary	- Học phần Công nghệ và PPDHCN hình thành cho sinh viên một số kiến thức, thao tác kỹ thuật, quy trình thực hiện và các pp gia công về các lĩnh vực thủ công kỹ thuật, phục vụ cho dạy học môn công nghệ ở tiểu học - Giới thiệu kiến thức chung về pphd công nghệ ở trường tiểu học. Mục tiêu, nội dung, chương trình công nghệ, pphd và đánh giá kết quả học tập, thực hành một số bài tập về xây dựng kế hoạch bài học, tổ chức dạy học theo chương trình sách giáo khoa tiểu học.	3	20	50	90	45	Không

		schools)							
60	MTPĐH.046	Phương pháp dạy học Mỹ thuật ở tiểu học (Methods of teaching Fine Arts in elementary school)	Tìm hiểu một số tác giả và tác phẩm tiêu biểu của Việt Nam và mỹ thuật dân gian Việt Nam, tranh thiếu nhi; các vấn đề chung về phương pháp dạy học Mỹ thuật ở trường tiểu học; Giới thiệu chương trình, sách giáo khoa Mỹ thuật tiểu học; truyền thụ phương pháp dạy - học Mỹ thuật tiểu học; xây dựng kế hoạch, tổ chức thực hành dạy học theo các phân môn Mỹ thuật tiểu học	2	15	30	60	30	Mỹ thuật
61	TOGTTH.149	Thực hành giải Toán ở tiểu học (Practice solving math in elementary school)	Nội dung học phần bao gồm những vấn đề về bài toán và giải toán ở tiểu học; các bài toán đơn về ý nghĩa của các phép tính, các bài toán điển hình; một số phương pháp thường sử dụng trong giải toán ở tiểu học.	3	39	6	90	45	Toán học 1, Toán học 2, Phương pháp dạy học Toán ở tiểu học 1,2
62	VACSVH.113	Cơ sở văn hoá Việt Nam (Vietnamese cultural establishment)	Bao gồm các kiến thức cơ bản về văn hóa học và văn hóa Việt Nam: Khái niệm văn hóa Việt Nam, tiến trình văn hóa Việt Nam; các thành tố của văn hóa Việt Nam: văn hóa nhận thức, văn hóa tổ chức đời sống tập thể, cá nhân, văn hóa ứng xử môi trường tự nhiên, xã hội.	2	30	0	60	30	Không



63	VAHVTH.186	Giáo dục giới tính và phương pháp giáo dục giới tính cho học sinh tiểu học (Sex education and methods of sex education for primary school students)	Bao gồm các kiến thức cơ bản và kỹ năng về giáo dục giới tính, sức khỏe sinh sản lứa tuổi trẻ em, cách chăm sóc sức khỏe và bảo vệ cơ thể ở lứa tuổi tiểu học. Các hình thức giáo dục và phương pháp giáo dục giới tính cho học sinh tiểu học. Giáo dục nhận thức, có thái độ đúng đắn, nghiêm túc đối với vấn đề về giới tính và sức khỏe sinh sản. Tôn trọng quyền riêng tư của học sinh, ý thức chăm sóc sức khỏe sinh sản cho bản thân và cho người thân, học sinh.	2	26	04	60	30	Sinh lí học trẻ em
64	TMHDTN.140	Tổ chức hoạt động trải nghiệm, sáng tạo ở trường tiểu học (Organizing creative and experiential activities in elementary schools)	Học phần cung cấp tri thức về hoạt động trải nghiệm và giáo dục kỹ năng sống ở tiểu học. Từ những hiểu biết đó, người học có khả năng thiết kế và tổ chức những hoạt động trải nghiệm thông qua bốn nhóm hình thức: hình thức có tính khám phá; hình thức có tính thể nghiệm, tương tác; hình thức có tính công hiến; hình thức có tính nghiên cứu, phân hóa. Song song đó, người học biết tổ chức các loại hoạt động chủ yếu: Sinh hoạt dưới cờ, Sinh hoạt lớp, Hoạt động giáo dục theo chủ đề và Hoạt động câu lạc bộ.	2	30	0	60	30	Giáo dục học
65	TMHDTN.144	Giáo dục STEM ở trường	Học phần trang bị cho sinh viên những hiểu biết về mô hình giáo dục STEM; phân tích và phát	2	26	04	60	30	Lý luận GD

		tiểu học (STEM education in elementary school)	triển các hoạt động STEM nhằm khơi gợi đam mê, giúp học sinh tiếp thu tốt hơn trong các môn học STEM và theo đuổi các ngành nghề có liên quan đến lĩnh vực STEM. Đồng thời học phần còn giúp người học phát triển các ý tưởng dạy học tích hợp các môn nhằm phát triển năng lực, phẩm chất cho học sinh tiểu học.							và LLDH ở TH
66	SUVMTG.065	Lịch sử văn minh thế giới (World Civilization History)	Học phần giúp người học lĩnh hội kiến thức khái quát về lịch sử văn minh thế giới - Đặc điểm và một số thành tựu: lịch sử thế giới: Lịch sử cổ đại, Lịch sử trung đại, lịch sử thế giới cận đại, lịch sử thế giới hiện đại (1945 - 2000). Trên cơ sở đó, người học vận dụng kiến thức để xây dựng và tổ chức các hoạt động giáo dục và dạy học một số môn học ở tiểu học.	2	30	0	60	30		Không
67	TTECMON	Thực tế chuyên môn (Professional practice)	Nội dung môn học thông qua hoạt động tham quan, thực tế các cơ sở, loại hình giáo dục bậc tiểu học, các di tích lịch sử, văn hóa, các bảo tàng, nhà truyền thống tiêu biểu của Việt Nam để gắn lý thuyết với thực tế, thu thập thêm những kiến thức mới về văn học, văn hóa, lịch sử, địa lí... Qua đợt thực tế sinh viên viết bài thu hoạch thay bài thi kết thúc học phần.	1	0	30	0	15		Không
<b>2.4. Kiến tập sư phạm và Thực tập sư phạm</b>				<b>8</b>						

68	KTSPDH.007	Kiến tập sư phạm (Pedagogical training)	Tiến hành các hoạt động tìm hiểu thực tế giáo dục ở địa phương; dự giờ các phân môn trong chương trình Tiểu học; kiến tập các hoạt động giáo dục ở trường tiểu học; tổng kết đánh giá sư phạm.	2	0	60			Phương pháp dạy học Tiếng Việt 1; Phương pháp dạy học Toán 1, Phương pháp dạy học Tự nhiên và Xã hội
69	TTSUPA	Thực tập sư phạm (Pedagogical internship)	Nội dung thực tập sư phạm bao gồm: Tiến hành các hoạt động tìm hiểu thực tế địa phương; tìm hiểu thực tế giáo dục, thực hiện các nhiệm vụ như giáo viên Tiểu học ở trường thực tập bao gồm: thực tập dạy học và các hoạt động giáo dục ở trường Tiểu học, tổng kết đánh giá thực tập sư phạm.	6	0	90	180	90	Các học phần kiến thức cơ sở của ngành, các học phần kiến thức ngành, thực hành dạy học
<b>2.5. Khóa luận tốt nghiệp hoặc học các học phần thay thế khóa luận tốt nghiệp</b>				<b>7</b>					

70		Khoá luận tốt nghiệp (Graduation thesis)	Nội dung học phần: Là những vấn đề đặt ra trong nội dung các học phần, cụ thể là các vấn đề về Tâm lý, Giáo dục học, Văn, Toán, các môn phương pháp ..... để nghiên cứu.	7					Sinh viên đã hoàn thành tất cả các học phần của chương trình đào tạo. Những sinh viên đủ điều kiện theo quy định thì được giao/chọn đề tài khoá luận tốt nghiệp.
<b><i>Các học phần thay thế tốt nghiệp (Chọn 3/6 học phần thay thế Khóa luận TN: 3 học phần được chọn phải được thực hiện 2 năm / 1 lần, không vi phạm điều kiện cần và đủ đồng thời đảm bảo tính cân đối, phong phú, đa dạng tránh trường hợp chọn 3 HP thay thế Khóa luận TN nhưng có 2 học phần tập trung chủ yếu vào 1 lĩnh vực).</i></b>									
71	TMPTCT.130	Phát triển	Nội dung môn học bao gồm kiến thức cơ bản	2	30	0	60	30	Sinh viên

		chương trình GDTH (Development of educational programs)	về vấn đề phân tích và phát triển chương trình tiểu học. Từ đó, giúp sinh viên vận dụng những kiến thức trên vào việc xác định mục tiêu, nguyên tắc, thiết kế kế hoạch dạy học và kế hoạch bài học theo định hướng tiếp cận năng lực.						đã hoàn thành tất cả các học phần của chương trình đào tạo
72	VATVGT.195	Phát triển năng lực dạy-học Tiếng Việt tiểu học (Developing of the capacity of teaching and learning Vietnamese in primary school)	Học phần thuộc khối kiến thức chuyên ngành, hướng đến việc trang bị cho người học những kiến thức khái quát về năng lực và dạy học phát triển năng lực tiếng Việt ở tiểu học qua các kiểu văn bản, các kỹ năng đọc, viết, nói, nghe; cách kiểm tra, đánh giá năng lực môn tiếng Việt tiểu học. Từ đó vận dụng vào việc giảng dạy tiếng Việt ở tiểu học qua các phân môn cụ thể.	2	30	0	60	30	Sinh viên đã hoàn thành tất cả các học phần của chương trình đào tạo
73	TOPPDT.150	Phương pháp dạy học Toán nâng cao (Methods of teaching advanced math)	Nội dung học phần: Dạy học chuyên đề các phương pháp dạy học phát huy tính tích cực hoạt động nhận thức của học sinh qua môn toán ở Tiểu học bao gồm: Đổi mới phương pháp dạy học môn toán; dạy học lấy học sinh làm trung tâm; phương pháp dạy học tích cực	3	39	6	0	45	Sinh viên đã hoàn thành tất cả các học phần của chương

			và vận dụng vào việc dạy học môn toán ở Tiểu học; ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học toán ở Tiểu học.						trình đào tạo
74	TODHMT.170	Phát triển năng lực dạy- học môn Toán ở tiểu học (Developing the ability to teach and learn Mathematics in primary schools)	Dựa trên chương trình giáo dục phổ thông môn Toán bậc tiểu học và hệ thống phẩm chất, năng lực toán học cần trang bị cho học sinh, học phần sẽ trang bị cho người học cách thức tổ chức dạy học Toán cho học sinh tiểu học theo hướng tiếp cận phẩm chất, năng lực. Học phần còn giúp người học phát triển các ý tưởng dạy học Toán, các trò chơi học toán; thảo luận, lí giải trong những tình huống phát sinh trong quá trình dạy học; tìm hiểu, đánh giá và tìm cách giảm thiểu những sai lầm của học sinh, từ đó áp dụng vào việc cải tiến quá trình dạy học môn Toán.	2	26	4	60	30	Toán học 1, 2 PP dạy học Toán
75	DIDHTX.150	Phát triển năng lực dạy học Tự nhiên - Xã hội ở tiểu học (Developing the teaching capacity of Nature - Society in elementary	Học phần giúp phát triển ở người học kỹ năng xây dựng và tổ chức các hoạt động dạy học tìm hiểu khoa học tự nhiên và khoa học xã hội một cách sáng tạo nhằm hình thành và phát triển ở học sinh năng lực khoa học (nhận biết và giải thích các hiện tượng đời sống một cách khoa học, thiết kế và đánh giá các thí nghiệm khoa học, xử lí và trình bày các thông tin và bằng chứng khoa học, ...); năng lực vận dụng tổng	2	24	6	60	30	Lý luận dạy học Tự nhiên – Xã hội



TT	Các học phần	Chuẩn đầu ra										
		PLO1	PLO2	PLO3	PLO4	PLO5	PLO6	PLO7	PLO8	PLO9	PL10	PL11
1	Triết học Mác-Lênin	H	M	M	H	M	M	M	L	L	L	H
2	Kinh tế chính trị Mác-Lênin	H	M	M	H	M	M	M	L	L	L	H
3	Chủ nghĩa xã hội khoa học	H	M	H	H	M	M	M	L	L	H	H
4	Tư tưởng Hồ Chí Minh	H			M		M	M			H	M
5	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	H			M		M	M			H	M
6	Pháp luật đại cương	H								H	H	H
7	Tin học		M						H			
8	Tâm lý học đại cương	M	M	H	M	M	L	M	M	H	H	H
9	Giáo dục học	M	M	H	H	H	M	H	H	H	H	H
10	Tâm lý học lứa tuổi và tâm lý học sư phạm	M	M	H	M	M	L	M	M	H	H	H
11	Giao tiếp sư phạm	M	M	H	M	H	M	H	H	H	H	H
12	Quản lý hành chính Nhà nước, Quản lý ngành GD và ĐT	M	M	H	M	M	L	M	M	H	H	H
13	Sinh lý học trẻ em	M	M	H	L	M	M	M	M	M	L	L
14	Tiếng Anh 1						L					
15	Tiếng Anh 2						M					
16	Tiếng Anh 3						H					
17	Giáo dục hòa nhập cho học sinh khuyết tật ở tiểu học			M			H	M	M	H	M	H



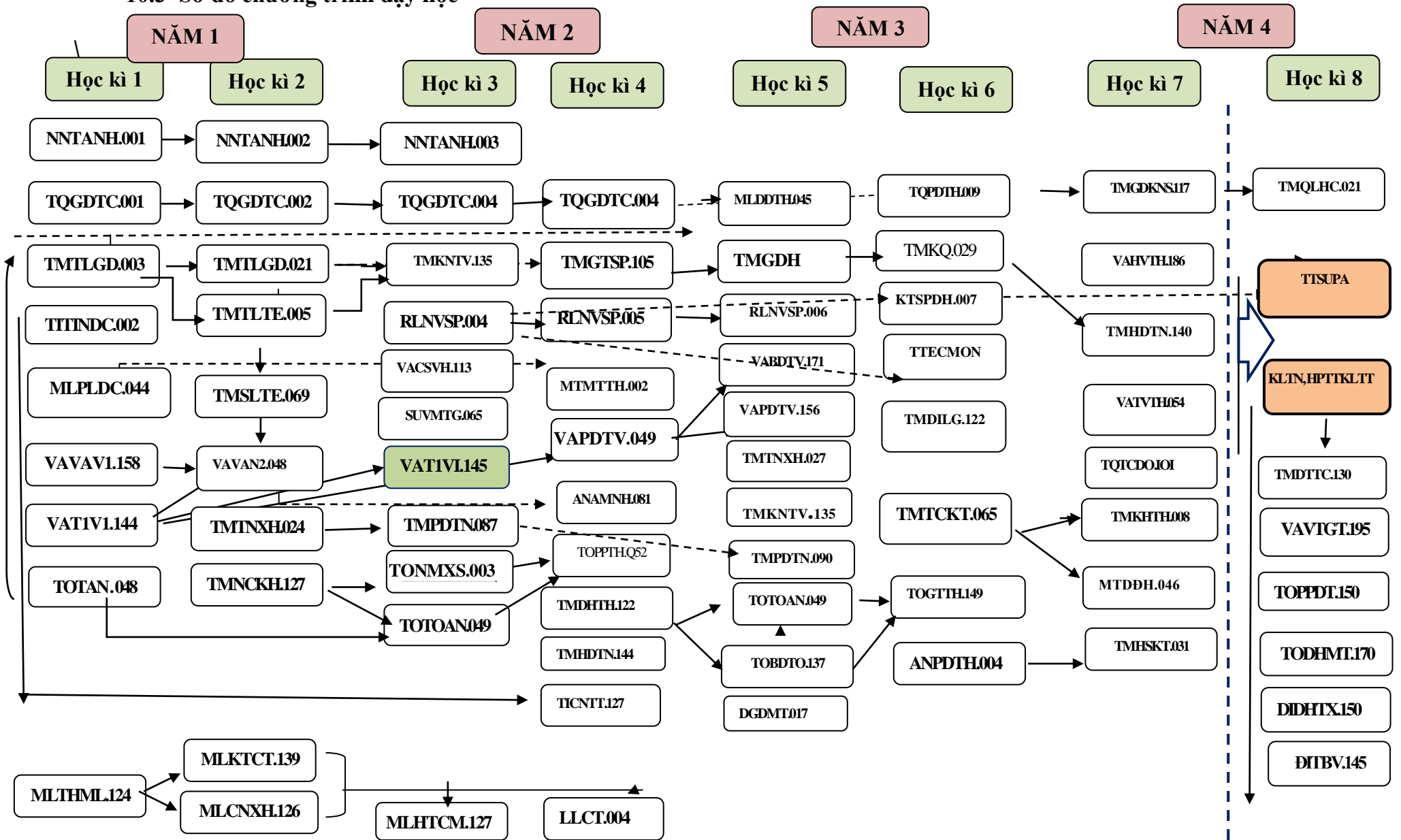
TT	Các học phần	Chuẩn đầu ra										
		PLO1	PLO2	PLO3	PLO4	PLO5	PLO6	PLO7	PLO8	PLO9	PL10	PL11
18	Giáo dục kỹ năng sống trong dạy học ở tiểu học	L	L	H	M	M	M	M	M	M	H	H
19	Ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học ở tiểu học		M						H			
20	Phương pháp nghiên cứu khoa học và khởi nghiệp	M							M	M	M	M
21	Tiếng việt 1	L	H	L	L	L	L	M	M	H	H	H
22	Tiếng việt 2	L	H	L	L	L	L	M	M	H	H	H
23	Văn học 1	L	H	L	L	L	L	M	M	H	H	H
24	Toán học 1	L	H		L			H		H	H	M
25	Kỹ năng tham vấn học đường cho học sinh tiểu học	M	M	H	H	H	M	H	H	H	H	H
26	Cơ sở Tự nhiên và Xã hội 1	L	M	L	H	M	M	M	L	M	M	M
27	Lý luận giáo dục tiểu học và Lý luận dạy học tiểu học	M	M	H	H	H	M	H	H	H	H	H
28	Âm nhạc		H	M	M					M	H	H
29	Mỹ thuật	H	L	L	H	L	H	L	M	L	L	L
30	Văn học 2	L	H	L	L	L	L	M	M	H	H	H
31	Toán học 2	L	H		L			H		H	H	M
32	Kiểm tra, đánh giá kết quả giáo dục ở tiểu học	L	L	M	M	M	M	M	M	L	H	H
33	Phương pháp dạy học Tiếng	L	H	H	L	H	H	H	H	H	H	H

TT	Các học phần	Chuẩn đầu ra										
		PLO1	PLO2	PLO3	PLO4	PLO5	PLO6	PLO7	PLO8	PLO9	PL10	PL11
	Việt ở tiểu học 1											
34	Phương pháp dạy học Tiếng Việt ở tiểu học 2	L	H	H	L	H	H	H	H	H	H	H
35	Phương pháp dạy học Toán ở tiểu học 1	L	H		H		H		H	M		M
36	Phương pháp dạy học Toán ở tiểu học 2	L	H		H		H		H	M		M
37	Phương pháp dạy học Tự nhiên và Xã hội ở tiểu học 1	L	M	M	M	M	M	M	M	M	H	H
38	Phương pháp dạy học Tự nhiên và Xã hội ở tiểu học 2	L	M	L	H	M	M	M	L	M	M	M
39	Đạo đức và phương pháp giáo dục đạo đức ở tiểu học	H	H	M	M	H	H	H	H	H	H	H
40	Phương pháp dạy học Âm nhạc ở tiểu học		M	H	M	H	H	M	M	M	H	H
41	Phương pháp dạy học học môn Giáo dục thể chất ở TH	M	M	M	M	M	M	H	M	H	H	H
42	Rèn luyện nghiệp vụ sư phạm thường xuyên 1		L	M		M	M			M	H	H
43	Rèn luyện nghiệp vụ sư phạm thường xuyên 2	L	M	M	M	M	M	M	M	H	H	H
44	Rèn luyện nghiệp vụ sư	L	M	M	M	M	M	M	M	L	H	H

TT	Các học phần	Chuẩn đầu ra										
		PLO1	PLO2	PLO3	PLO4	PLO5	PLO6	PLO7	PLO8	PLO9	PL10	PL11
	phạm thường xuyên 3											
45	Bồi dưỡng học sinh giỏi Tiếng Việt ở tiểu học	L	H	H	L	H	H	H	H	H	H	H
46	Bồi dưỡng học sinh giỏi Toán ở tiểu học	L	H	M	H		M	H		H	M	M
47	Dạy học lớp ghép ở tiểu học	L	H	H	L	L	H	H	H	H	H	H
48	Kỹ thuật tạo hình bằng giấy bìa	L	H	L	L	H	L	H	L	H	H	H
49	Cơ sở Tự nhiên và Xã hội 2	L	M	L	H	M	M	M	L	M	M	M
50	Dạy học tích hợp ở tiểu học	L	H	H	L	H	H	H	H	H	H	H
51	Tổ chức hoạt động Đội thiếu niên Tiên phong Hồ Chí Minh và sao Nhi đồng			H	M	M		H	M	H	H	H
52	Nhập môn lý thuyết xác suất và thống kê	L	H		H		H		H	M	M	M
53	Giáo dục môi trường cho học sinh tiểu học	L	H	L	M	M	L	M	L	M	M	M
54	Tiếng Việt thực hành	L	H	L	L	L	L	M	M	H	H	H
55	Công nghệ và phương pháp dạy học công nghệ ở tiểu học	L	H	L	L	H	H	H	H	H	H	H
56	Phương pháp dạy học Mỹ thuật ở tiểu học	M	M	L	H	H	L	L	L	L	H	H
57	Thực hành giải Toán ở tiểu học	L	H	M	H		M	H	H	M		M
58	Cơ sở văn hóa Việt Nam	L	L	L	H	L	L	L	L	M	M	M

TT	Các học phần	Chuẩn đầu ra										
		PLO1	PLO2	PLO3	PLO4	PLO5	PLO6	PLO7	PLO8	PLO9	PL10	PL11
59	Giáo dục giới tính và phương pháp giáo dục giới tính	L	L	M	M	M	M	M	M	L	H	H
60	Tổ chức hoạt động trải nghiệm, sáng tạo ở trường tiểu học	M	M	H	M	H	M	H	H	H	H	H
61	Giáo dục STEM ở trường tiểu học	M	M	H	H	H	M	H	H	H	H	H
62	Lịch sử văn minh thế giới	M	M	H	M	H	M	H	H	H	H	H
63	Thực tế chuyên môn	L	M	M	M	M	M	M	M	L	H	H
64	Kiến tập sư phạm	H	H	H	H	H	H	H	H	H	H	H
65	Thực tập sư phạm	H	H	H	H	H	H	H	H	H	H	H
	<b>KLTN hoặc các học phần thay thế KLTN</b>											
66	<i>Phát triển chương trình GDTH</i>	L	H	H	L	H	H	H	H	H	H	H
67	<i>Phát triển năng lực môn Tiếng Việt tiểu học</i>	L	H	M	M	M	M	L	M	M	H	H
68	<i>Phương pháp dạy học Toán nâng cao</i>	M	M	H	M	H	M	H	H	H	H	H
69	<i>Phát triển năng lực dạy - học Toán ở tiểu học</i>	M	M	H	M	H	M	H	H	H	H	H
70	<i>Phát triển năng lực dạy - học Tự nhiên - Xã hội ở tiểu học</i>	M	M	H	M	H	M	H	H	H	H	H
71	<i>Giáo dục vì sự phát triển bền vững cho học sinh tiểu học</i>	M	M	H	M	H	M	H	H	H	H	H

10.3 Sơ đồ chương trình dạy học



**10.4. Dự kiến kế hoạch giảng dạy**

<b>TT</b>	<b>Tên học phần</b>	<b>SỐ TC</b>
<i>Giáo dục quốc phòng-An ninh (giảng dạy tập trung theo đợt)</i>		<i>165 tiết</i>
<b>Học kỳ I</b>		<b>18</b>
1	Tâm lý học đại cương	2
2	Tin học	2
3	Văn học 1	3
4	Mỹ thuật	2
5	Sinh lí học trẻ em	2
6	Tiếng Việt 1	3
7	Toán học 1	2
8	Tiếng Anh 1/Tiếng Việt 1 ( <i>dành cho sinh viên Lào</i> )	2
	<i>Giáo dục thể chất 1</i>	1
<b>Học kỳ II</b>		<b>18</b>
9	Triết học Mác - Lênin	3
10	Cơ sở KHTN và PPDH 1	3
11	Giáo dục học	2
12	Phương pháp nghiên cứu khoa học	2
13	Chuyên đề khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo và sở hữu trí tuệ	1
14	Tâm lý học lứa tuổi và tâm lý học sư phạm	2
15	Văn học 2	2
16	Tiếng Anh 2/Tiếng Việt 2 ( <i>dành cho sinh viên Lào</i> )	2
17	Thực tế chuyên môn	1
	<i>Giáo dục thể chất 2</i>	1
<b>Học kỳ III</b>		<b>17</b>
18	Kinh tế chính trị Mác-Lênin	2
19	Tiếng Việt 2	3
20	Toán học 2	2
21	Rèn luyện nghiệp vụ sư phạm thường xuyên 1	1
22	Cơ sở KHTN và PPDH 2	2
23	Tiếng Anh 3/Tiếng Việt 3 ( <i>dành cho sinh viên Lào</i> )	3
	<i>Giáo dục thể chất 3</i>	1

24	<b>Học phần tự chọn 1</b>	<b>4/6</b>
	<i>Cơ sở văn hóa Việt Nam</i>	2
	<i>Nhập môn xác suất thống kê</i>	2
	<i>Lịch sử văn minh thế giới</i>	2
	<b>Học kỳ IV</b>	<b>18</b>
25	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2
26	Ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học	3
27	Rèn luyện nghiệp vụ sư phạm thường xuyên 2	1
28	Âm nhạc	2
29	Kỹ năng tham vấn tâm lý cho học sinh ở trường tiểu học	2
30	Phương pháp dạy học Toán ở tiểu học 1	2
31	Phương pháp dạy học Tiếng Việt ở tiểu học 1	2
32	Giao tiếp sư phạm	2
	<i>Giáo dục thể chất 4</i>	1
33	<b>Học phần tự chọn 2</b>	<b>2/4</b>
	<i>Giáo dục STEM ở trường tiểu học</i>	2
	<i>Dạy học tích hợp ở tiểu học</i>	2
	<b>Học kỳ V</b>	<b>17</b>
34	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2
35	Cơ sở KHXH và PPDH 1	2
36	Rèn luyện nghiệp vụ sư phạm thường xuyên 3	1
37	Phương pháp dạy học Tiếng Việt ở tiểu học 2	3
38	Phương pháp dạy học Toán ở tiểu học 2	3
39	Kiến tập sư phạm	2
40	<b>Học phần tự chọn 3</b>	<b>4/6</b>
	<i>Cơ sở KHXH và PPDH 2</i>	2
	<i>Bồi dưỡng học sinh giỏi Toán ở tiểu học</i>	2
	<i>Bồi dưỡng học sinh giỏi Tiếng Việt ở tiểu học</i>	2
	<b>Học kỳ VI</b>	<b>17</b>
41	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2
42	Phương pháp dạy học Giáo dục thể chất ở tiểu học	2
43	Phương pháp dạy học Âm nhạc ở tiểu học	2
44	Giáo dục kỹ năng sống trong dạy học ở tiểu học	2
45	Đạo đức và phương pháp giáo dục đạo đức ở tiểu học	2
46	Quản lý hành chính Nhà nước và Quản lý ngành	2
47	<b>Học phần tự chọn 4</b>	<b>3/6</b>
	<i>Công nghệ và phương pháp dạy học công nghệ ở tiểu học</i>	3

	<i>Thực hành giải Toán ở tiểu học</i>	3
48	<b>Học phần tự chọn 5</b>	<b>2/4</b>
	<i>Dạy học lớp ghép ở tiểu học</i>	2
	<i>Giáo dục môi trường cho học sinh tiểu học</i>	2
<b>Học kỳ VII</b>		<b>16</b>
48	Pháp luật đại cương	2
50	Lý luận giáo dục và lý luận dạy học	2
51	Giáo dục hoà nhập cho học sinh khuyết tật ở tiểu học	2
52	Kiểm tra, đánh giá kết quả giáo dục ở Tiểu học	2
<b>53</b>	<b>Học phần tự chọn 6</b>	<b>8/12</b>
	<i>Giáo dục giới tính và PPGDGT cho học sinh tiểu học</i>	2
	<i>Phương pháp dạy học Mỹ thuật ở tiểu học</i>	2
	<i>Tổ chức hoạt động Đội TNTP HCM và sao nhi đồng</i>	2
	<i>Tiếng Việt thực hành</i>	2
	<i>Tổ chức hoạt động trải nghiệm ở trường tiểu học</i>	2
	<i>Kỹ thuật tạo hình bằng giấy bìa</i>	2
<b>Học kỳ VIII</b>		<b>15</b>
54	Thực tập sư phạm	6
55	<b>Khóa luận TN hoặc 3 học phần thay thế KLTN (chọn 3/6 học phần (7 tín chỉ) thay thế KLTN )</b>	7
	<i>Phát triển chương trình GDTH</i>	2
	<i>Phát triển năng lực dạy học môn Tiếng Việt tiểu học</i>	2
	<i>Phương pháp dạy học Toán nâng cao</i>	3
	<i>Phát triển năng lực dạy học môn Toán ở tiểu học</i>	2
	<i>Phát triển năng lực dạy học Tự nhiên – Xã hội ở tiểu học</i>	2
	<i>Giáo dục vì sự phát triển bền vững</i>	3

## 11. Danh sách đội ngũ giảng viên thực hiện chương trình

### 11.1. Danh sách giảng viên cơ hữu

TT	Họ và tên	Năm	Văn bằng cao nhất,	Học phần giảng dạy
1	Hoàng Dương Hùng	1967	TS. GVC.Điện lạnh	Phương pháp nghiên cứu khoa học và khởi nghiệp
2	Nguyễn Đức Vượng	1967	TS. GVC. Hóa học	
3	Lương T. Lan Huệ	1976	ThS. Triết học	Triết học Mác-Lênin, Kinh tế chính trị Mác-Lênin; CN XH KH.
4	Phan Thị Thu Hà	1982	ThS. Kinh tế chính trị	



5	Nguyễn Thị Hương Liên	1987	ThS. Kinh tế chính trị	
6	Nguyễn Thị Anh Khuyên	1983	ThS. Kinh tế chính trị	
7	Trần Hương Giang	1983	ThS. Triết học	
8	Nguyễn Thị Thanh Hà	1981	ThS. Triết học	
9	Nguyễn Thị Như Nguyệt	1980	ThS. Việt Nam học, ThS. Triết học	
10	Lương T. Lan Huệ	1976	ThS. Triết học	Phương pháp dạy học môn đạo đức ở tiểu học
11	Phan Thị Thu Hà	1982	ThS. Kinh tế chính trị	
12	Nguyễn Thị Như Nguyệt	1980	ThS. Việt Nam học, ThS. Triết học	
13	Trương Thị Thu Hà	1989	ThS. Chính trị học	Tư tưởng Hồ Chí Minh
14	Nguyễn Văn Duy	1979	TS. GVC Chính trị học Triết học	
15	Trần Đức Hiền	1962	TS. Chính trị học	Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam
16	Hoàng Thanh Tuấn	1989	ThS. Lịch sử Đảng	
17	Phùng Thị Loan	1978	ThS.GVC. Luật	Pháp luật đại cương
18	Phan Phương Nguyên	1982	ThS. Luật	
19	Phan Thị Thu Hiền	1990	ThS. Luật	
20	Nguyễn Thị Thùy Vân	1979	ThS. GVC.Tâm lý học	Tâm lý học đại cương Giáo dục học Giáo dục học TH Giao tiếp sư phạm QLHCNN, QLNGD - ĐT TLHLT - TLHSP ,KNTVHĐ Giáo dục giới tính và PPGDGT
21	Hoàng Thị Tường Vi	1979	ThS. GVC. Giáo dục học	
22	Nguyễn Thị Diễm Hằng	1984	ThS. Tâm lý học	

23	Nguyễn Thị Xuân Hương	1984	ThS. Tâm lý học	
24	Nguyễn Thị Như Phượng	1985	ThS. Tâm lý học	Tâm lý học đại cương; TLHLT - TLHSP
25	Dương Thị Ánh Tuyết	1976	TS. GVC.Văn học.	Văn học 2, RLNVSPX1, . PTNL dạy - học môn Tiếng Việt tiểu học, Phương pháp nghiên cứu khoa học- khởi nghiệp và sở hữu trí tuệ
26	Nguyễn Thị Quế Thanh	1975	ThS. GVC.Văn học	Văn học 1, 2 Tiếng Việt thực hành, Bồi dưỡng HSG TV ở TH
27	Lương Hồng Văn	1962	ThS. Văn học	Phương pháp nghiên cứu khoa học- khởi nghiệp, Văn học 2
28	Trương Thị Thanh Thoài	1968	ThS. LL&PPDH	Tiếng Việt 1,2 Cơ sở văn hoá Việt Nam
29	Trần Thị Mỹ Hồng	1972	ThS. GVC.Văn học	Dạy học tích hợp ở tiểu học Phát triển chương trình GDTH, Văn học 1, 2
30	Nguyễn Thị Hoài An	1986	ThS. Văn học	Từ Hán Việt và dạy từ Hán Việt ở tiểu học, PPDH Tiếng Việt ở TH 1,2; Dạy học lớp ghép ở TH
31	Đặng Lê Thủy Tiên	1993	ThS. Ngôn ngữ học	PPDH Tiếng Việt ở TH 1,2 Tiếng Việt thực hành; Tiếng Việt 1,2
32	Hoàng Thị Ngọc Bích	1985	ThS. Văn hóa học	Cơ sở văn hóa Việt Nam
33	Nguyễn Hữu Duy Viễn	1986	NCS.QLTNMT	Giáo dục môi trường cho học sinh tiểu học, Giao Giáo dục vì sự phát triển bền vững
34	Vương Kim Thành	1973	ThS.GVC. PPDH Địa lý	Giáo dục môi trường cho học sinh tiểu học, PPDH TN - XH 1, Cơ sở TN-XH 1,2,

35	Cao Thị Thanh Thủy	1976	ThS. PPDH Địa lý	
36	Nguyễn Quang Hòe	1963	TS. Toán	Phương pháp dạy học Toán ở Tiểu học 1,2; PPDHToán nâng cao; Bồi dưỡng HSG Toán ở TH; TH giải Toán ở TH
37	Nguyễn Kế Tam	1964	ThS. Toán	Phương pháp dạy học Toán ở Tiểu học 1,2; PPDH Toán nâng cao; Bồi dưỡng HSG Toán ở TH; TH giải Toán ở TH
38	Phan Trọng Tiến	1982	TS.GVC. Toán	Nhập môn lý thuyết xác suất và thống kê ; Toán học 1, 2
39	Lê Thị Bạch Liên	1983	TS.GVC. Toán	Phương pháp dạy học Toán ở Tiểu học 1,2 RLNVSPTX
40	Nguyễn Đình Hùng	1968	TS. Lý luận NN	Tiếng Anh 1,2,3
41	Lê Thị Hằng	1976	TS. Ngôn ngữ học	
42	Phạm Thị Hà	1976	TS. Ngôn ngữ học	
43	Võ Thị Dung	1974	TS. Ngôn ngữ học đối chiếu	
44	Nguyễn Thọ Phước Thảo	1986	ThS. Ngôn ngữ Anh	
45	Phạm Xuân Hậu	1980	TS. KHMT	Tin học ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học ở Tiểu học
46	Trần Văn Cường	1981	TS.GVC.KHMT	
47	Đậu Mạnh Hoàn	1976	TS. GVC. KHMT	
48	Nguyễn Nương Quỳnh	1982	ThS. KHMT	

49	Đoàn Kim Phúc	1972	ThS. GDH	Lý luận DH và lý luận GD tiểu học; GD Kỹ năng sống trong dạy học ở TH, PPDH TN - XH 2,
50	Hoàng Thị Lê	1967	Cử nhân GDTH, GDĐB	Kiểm tra, đánh giá trong GD TH, RLNVSPTX
51	Đinh Thị Thanh Trà	1985	TS.GVC. Sinh học	Cơ sở TN - XH 1 Sinh lý học trẻ em
52	Võ Văn Thiệp		TS. Khoa học Sinh học	
53	Lê Trọng Đại	1963	ThS. Lịch sử	Cơ sở TN - XH 2
54	Trần Công Thoan	1969	ThS. MT	Mỹ thuật; Phương pháp dạy học Mỹ thuật ở Tiểu học Thủ công - Kỹ thuật và pp dạy học Thủ công và Kỹ thuật ở Tiểu học
55	Nguyễn Chiêu Sinh	1976	ThS. MT	
56	Nguyễn Đại Thăng	1969	ThS. MT	
57	Phạm Thị Diệu Vinh	1976	ThS. Âm nhạc	Âm nhạc; Phương pháp dạy học Âm nhạc ở Tiểu học
58	Nguyễn Đình Khóa	1969	ThS. Âm nhạc	
59	Bùi Thị Kim Oanh	1968	CN. Âm nhạc	
60	Trương Thị Hoa	1979	ThS. Âm nhạc	
61	Nguyễn Thị Hồng Nhung	1979	ThS. Âm nhạc	
62	Trần Thủy	1972	TS. GVCC. GDTC và Huấn luyện thể thao	Giáo dục thể chất, pp dạy học môn Giáo dục thể chất ở tiểu học
63	Cao Phương	1980	TS. GVC. GDTC và Huấn luyện thể thao	
64	Nguyễn Thị Tuyền	1973	ThS. GVC.GDTC	
65	Nguyễn Anh Tuấn	1981	ThS. GVC. GDTC	
66	Nguyễn Thế Thành	1987	ThS. GDTC	

67	Nguyễn Xuân Hải	1987	ThS. GDTC	Giáo dục thể chất, pp dạy học môn Giáo dục thể chất ở tiểu học, Tổ chức hoạt động Đội TNTP HCM và sao nhi
68	Nguyễn Quang Hòa	1986	ThS. GDTC	

### **11.2. Danh sách giảng viên thỉnh giảng**

## **12. Cơ sở vật chất phục vụ học tập**

### **12.1. Các phòng thí nghiệm và các hệ thống thiết bị thí nghiệm**

Trường Đại học Quảng Bình có cơ sở vật chất tương đối hiện đại, đáp ứng nhu cầu đào tạo. Trường được quy hoạch thành 2 khu vực với diện tích 45 ha. Hiện tại, Nhà trường có 48 phòng học đạt chuẩn trong 4 nhà cao tầng với tổng diện tích là 18.000 m<sup>2</sup> (không có phòng học cấp 4); có 04 phòng máy tính gồm 150 máy phục vụ giảng dạy và 35 máy phục vụ công tác quản lý nội mạng Internet tốc độ cao; Các thiết bị dạy học như projector, overhead, hệ thống thiết bị nghe nhìn, âm loa đủ phục vụ cho công tác đào tạo, thông tin tuyên truyền và sinh hoạt văn hóa.

### **12.2. Thư viện**

Trường Đại học Quảng Bình có Trung tâm học liệu, có hơn 80.000 cuốn sách thuộc các lĩnh vực khoa học cơ bản, khoa học giáo dục, lý luận chính trị - xã hội, trong đó có gần 53.000 sách tham khảo, 27.000 sách giáo trình và hơn 35 tạp chí chuyên ngành. Ngoài ra Thư viện tỉnh Quảng Bình có khá nhiều sách, tạp chí phục vụ công tác nghiên cứu, giảng dạy và học tập. Riêng sách tham khảo, giáo trình, bài giảng phục vụ giảng dạy, học tập các ngành đào tạo giáo viên rất đầy đủ.

### **12.3. Giáo trình, bài giảng, tài liệu tham khảo**

<b>TT</b>	<b>Tên giáo trình, bài giảng</b>	<b>Tên tác giả</b>	<b>Nhà XB</b>	<b>Năm XB</b>
1	Giáo trình Tiếng Việt 1	Lê A- Đỗ Xuân Thảo	ĐHSP	2015
2	Giáo trình Tiếng Việt 2	Lê A- Đỗ Xuân Thảo- Lê Hữu Tinh	ĐHSP	2014
3	Dạy và học môn Tiếng Việt ở tiểu học: Theo chương trình mới	Nguyễn Trí	Giáo dục	2009
4	Giáo trình Tiếng Việt 3	Lê A chủ biên	ĐHSP	2015
5	Bồi dưỡng học sinh giỏi Tiếng Việt ở Tiểu học	Lê Phương Nga	ĐHSP	2018
6	Văn học	Cao Đức Tiến	ĐHSP	2007
7	Văn học trẻ em	Lã Bắc Lý	Giáo dục	2002

8	Cơ sở văn hóa Việt Nam	Trần Ngọc Thêm	Giáo dục	1999
9	Cơ sở văn hóa Việt Nam	Trần Quốc Vượng	Giáo dục	1997
10	Tiếng Việt thực hành	Bùi Minh Toán, Lê A, Đỗ Việt Hùng	ĐHSP	2011
11	Phương pháp dạy học Tiếng Việt ở Tiểu học I	Lê Phương Nga	ĐHSP	2016
12	Phương pháp dạy học Tiếng Việt ở Tiểu học II	Lê Phương Nga	ĐHSP	2016
13	Giáo trình tâm lý học đại cương	Nguyễn Quang Uẩn (chủ biên), Nguyễn Văn Lũy, Đinh Văn Vang	ĐHSP, Hà Nội	2014
14	Bộ câu hỏi ôn tập và đánh giá kết quả học tập môn Tâm lý học đại cương	Phan Trọng Ngọc (chủ biên)	ĐHSP, Hà Nội	2005
15	Bài tập thực hành Tâm lý học	Trần Trọng Thủy (chủ biên), Ngô Công Hoàn, Bùi Văn Huệ, Lê Ngọc Lan, Nguyễn Quang Uẩn	ĐHQG, Hà Nội	1996
16	Giáo trình Tâm lý học đại cương	Nguyễn Xuân Thức (chủ biên)	ĐHSP, Hà Nội	2013
17	Giáo trình Tâm lý học đại cương (Dùng cho các trường Đại học và Cao đẳng sư phạm)	Nguyễn Quang Uẩn (chủ biên), Trần Hữu Luyến, Trần Quốc Thành	ĐHQG, Hà Nội	1996
18	Quản lý hành chính nhà nước và quản lý ngành Giáo dục và Đào tạo	Phạm Việt Vượng	NXB ĐHSP, Hà Nội	2003
19	Chiến lược phát triển giáo dục 2011 - 2020			
20	Luật Cán bộ công chức năm 2008, Luật Viên chức năm 2010 và Luật Giáo dục năm 2009			

21	Thông tư liên tịch số 21/2015/TTLT-BGDĐT- BNV ngày 16 tháng 9 năm 2015 của Bộ giáo dục và Đào tạo, Bộ Nội vụ Quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp giáo viên tiểu học			
22	Thông tư 30/2014/TT-BGDĐT ngày 28 tháng 8 năm 2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định đánh giá học sinh tiểu học và Thông tư 22/2016/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 9 năm 2016 của Bộ Giáo dục và Đào tạo sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 30/2014/TT- BGDĐT			
23	Giáo dục học (Tài liệu đào tạo giáo viên tiểu học trình độ Cao đẳng và Đại học Sư phạm)	Nguyễn Thị Quy, Nguyễn Thị Bích Hạnh, Hồ Văn Liên, Mai Ngọc Luông, Vũ Khắc Tuấn	NXB GD, Hà Nội	2006
24	Giáo trình Tâm lý học tiểu học	Bùi Văn Huệ	NXB ĐHSP, Hà Nội	2009
25	Tâm lý học phát triển	Dương Thị Diệu Hoa	NXB ĐHSP, Hà	2012
26	Tâm lý học lứa tuổi và tâm lý học sư phạm	Lê Văn Luông (chủ biên), Lê Ngọc Lan	NXB ĐHQG, Hà Nội	1997
27	Nghệ thuật ứng xử sư phạm	Bùi Văn Huệ, Nguyễn Trí, [2], Nguyễn Trọng Hoàn, Hoàng Thị Xuân Hoa	NXB ĐHSP, Hà Nội	2004
28	Giáo trình Giao tiếp sư phạm	Ngô Công Hoàn, Hoàng Anh	NXB ĐHSP, Hà Nội	2015
29	Giao tiếp sư phạm	Nguyễn Bá Minh	NXB ĐHSP, Hà Nội	1998
30	Nhập môn khoa học giao tiếp, NXB ĐHSP, Hà Nội		NXB ĐHSP,	2013

31	Giáo dục học (Tài liệu đào tạo giáo viên tiểu học trình độ Cao đẳng và Đại học Sư phạm)	Nguyễn Thị Quy, Nguyễn Thị Bích Hạnh, Hồ Văn Liên, Mai Ngọc Luông, Vũ Khắc Tuấn	NXB GD, Hà Nội	2006
32	Giáo dục học tiểu học 1	Đặng Vũ Hoạt, Phó Đức Hòa	ĐHSP Hà Nội	2008
33	Giáo dục học tiểu học 2	Đặng Vũ Hoạt, Nguyễn Hữu Hợp	ĐHSP Hà Nội	2008
34	Lí luận dạy học Tiểu học	Nguyễn Hữu Hợp	ĐHSP Hà Nội	2013
35	Giáo dục học tiểu học	Nguyễn Hữu Hợp	ĐHSP Hà Nội	2015
36	Giáo dục học	Phạm Viết Vượng	ĐHQG, Hà Nội	2013
37	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lê nin	Bộ Giáo dục và Đào tạo	Chính trị Quốc gia	2009
38	Giáo trình Tư tưởng Hồ Chí Minh (Dành cho bậc đại học - Hệ không chuyên ngành lý luận chính trị)	Bộ Giáo dục và Đào tạo	Chính trị Quốc gia	2021
39	Giáo trình Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam (Dành cho bậc đại học – Hệ không chuyên lý luận chính trị)	Bộ Giáo dục và Đào tạo	Chính trị Quốc gia	2021
40	Đạo đức và phương pháp GD Đạo đức ở TH	Nguyễn Hữu Hợp	ĐHSPHN	2008
41	Pháp luật đại cương	Phùng Thị Loan	Giáo trình lưu hành nội bộ Trường ĐHQB	2020
42	Quản lý hành chính Nhà nước và quản lý ngành GD-ĐT	Phạm Viết Vượng	ĐHSPHN	2003
43	Phương pháp nghiên cứu khoa học giáo dục	Phạm Viết Vượng	Giáo dục	1998
44	LL & PPGD Thể chất	Vũ Đức Thu	TDTT HN	1998
45	Giáo trình Điền kinh	Nguyễn Kim Minh	ĐHSPHN	2003
46	Giáo trình thể dục	Trương Anh Tuấn	ĐHSPHN	2003



47	Hướng dẫn tập luyện Bóng chuyền	Nguyễn Quang	ĐHSP HN	2001
48	Giáo trình Cầu long	Nguyễn Văn Vinh	TDTT H N	2003
49	Giáo trình Quốc phòng tập 1	Nguyễn Mạnh Hương, Trần Đại Nghĩa & Lê Duẩn	Giáo dục	2009
50	Giáo trình Quốc phòng tập 2	Nguyễn Hữu Hào- Nguyễn Văn Quý- Lê Đình Thi	Giáo dục	2009
51	Phương pháp dạy học Thủ công Kỹ thuật	Đào Công Trung	ĐHQGHN	2008
52	Lí luận dạy học Tiểu học	Nguyễn Hữu Hợp	ĐHSPHN	2013
53	Giáo dục học Tiểu học	Nguyễn Hữu Hợp	ĐHSP HN	2013
54	Rèn luyện nghiệp vụ sư phạm tiểu học	Dương Giáng Thiên Hương	ĐHSP HN	2009
55	Đánh giá kết quả học tập ở Tiểu học	Hoàng Thị Tuyết	ĐHSP HN	2006
56	Phương pháp nghiên cứu khoa học giáo dục	Dự án phát triển GVTH	Giáo dục	2006
57	Phương pháp dạy học Toán ở Tiểu học	Dự án phát triển GVTH	Giáo dục	2007
58	Xác suất thống kê	Đào Hữu Hô	Giáo dục	2005
59	Đại số đại cương	Hoàng Xuân Sính	Giáo dục	2010
60	Giáo trình cơ sở Toán học	Nguyễn Gia Định	Giáo dục	2005
61	GT Mỹ thuật và pp DH MT	Nguyễn Quốc Toàn	Giáo dục	2006
62	GT Mỹ thuật và MT học	Chu Quang Trứ	Giáo dục	1998
63	PPDH Toán	Đỗ Đình Hoan	Giáo dục	1994
64	Giáo trình Tin học cơ sở	Đào Kiến Quốc	ĐHQG HN	2006
65	Phương tiện kĩ thuật DH và ứng dụng CNTT trong DH	Đào Thái Lai	Giáo dục	2006
66	Số học phổ thông	Nguyễn Hữu Hoan	Giáo dục	2001
67	Tự nhiên - xã hội và pp dạy học Tự nhiên - xã hội: Tài liệu đào tạo giáo viên tiểu học trình độ CD và ĐHSP	Bộ GD - ĐT	Giáo dục	2007
68	Giáo dục hòa nhập trẻ khuyết tật ở tiểu học: Tài liệu bồi dưỡng giáo viên tiểu học	Bộ GD - ĐT	Giáo dục	2006
69	Tự nhiên và xã hội 1	Bùi Phương Nga	Giáo dục	2013

70	Tự nhiên và xã hội 2	Bùi Phương Nga	Giáo dục	2011
71	Tự nhiên và xã hội 3	Bùi Phương Nga	Giáo dục	2013
72	Thiết kế các trang trình diễn với powerpoint	Vũ Gia Khánh	Giáo dục	2011
73	Dạy học phát triển năng lực môn tiếng Việt tiểu học	Đỗ Ngọc Thống	ĐHSP	2020

### 13. Hướng dẫn thực hiện chương trình

Chương trình đào tạo ngành là cơ sở giúp Hiệu trưởng quản lý chất lượng đào tạo Đại học, là quy định bắt buộc đối với tất cả các khoa chuyên môn nghiêm túc thực hiện theo đúng nội dung chương trình đã xây dựng.

Căn cứ chương trình đào tạo ngành, Trưởng các khoa chuyên môn có trách nhiệm tổ chức, chỉ đạo, hướng dẫn các bộ môn tiến hành xây dựng các đề cương chi tiết học phần và hồ sơ học phần theo quy định của trường sao cho vừa đảm bảo được mục tiêu, nội dung, yêu cầu đề ra, vừa đảm bảo phù hợp với điều kiện cụ thể của nhà trường, của địa phương, đáp ứng nhu cầu của người học và của toàn xã hội. Trên cơ sở đề cương chi tiết học phần, tiến hành xây dựng kế hoạch kinh phí thực hành, thực tập, tham quan thực tế và mua sắm bổ sung các thiết bị, phương tiện dạy học phù hợp cho từng học phần và cho toàn khóa đào tạo.

Trưởng các khoa chuyên môn có trách nhiệm ký, duyệt đề cương chi tiết học phần, xây dựng kế hoạch dạy học, kinh phí thực hành, thực tập, tham quan thực tế; các điều kiện đảm bảo thực hiện các chương trình đào tạo và chịu trách nhiệm về chất lượng đào tạo, chuẩn đầu ra. Trưởng các Phòng, Ban, Trung tâm chức năng liên quan có trách nhiệm kiểm tra, thẩm định và trình Hiệu trưởng phê duyệt cho triển khai thực hiện.

Chương trình cũng được áp dụng cho hình thức đào tạo hệ vừa làm vừa học nhưng thời gian đào tạo kéo dài thêm 6 đến 12 tháng tùy theo kế hoạch sắp xếp thời gian.

Trong quá trình thực hiện chương trình, hằng năm nếu thấy cần phải điều chỉnh cho phù hợp với thực tế thì đơn vị chuyên môn có văn bản trình lên Hội đồng Khoa học và Đào tạo Nhà trường xem xét, nếu phù hợp Hội đồng Khoa học và Đào tạo trình Hiệu trưởng Nhà trường có quyết định điều chỉnh và chỉ được thực hiện điều chỉnh khi có Quyết định của Hiệu trưởng nhà trường./.

### 14. Thông tin về kiểm định chất lượng giáo dục Trường

Năm 2017, Trường Đại học Quảng Bình đã được công nhận là cơ sở đạt chuẩn chất lượng giáo dục theo Quyết định số 75/QĐ-CEA.UD ngày 25 tháng 5 năm 2018 của Trung tâm kiểm định chất lượng giáo dục Đại học Đà Nẵng.

**15. Các chương trình tài liệu tham khảo****15.1. Tham khảo CTĐT trong nước:**

1. Đại học sư phạm Đà Nẵng (file)
2. Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh
3. Chương trình giáo dục phổ thông mới.

**15.2. Tham khảo CTĐT nước ngoài:**

[https://eacea.ec.europa.eu/national-policies/eurydice/content/initial-education-teachers-working-early-childhood-and-school-education-63\\_en](https://eacea.ec.europa.eu/national-policies/eurydice/content/initial-education-teachers-working-early-childhood-and-school-education-63_en)

<https://www.bestcolleges.com/features/elementary-education-degree-programs/>

<https://www.teachingdegrees.com/programs/primary-education>

<https://www.newman.ac.uk/course/primary-education-with-recommendation-for-qts-top-up-ba-hons/september-2021/>

**HIỆU TRƯỞNG**

**PGS.TS. Nguyễn Đức Vượng**